

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị

Kính gửi: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 1353-CV/VPTU, ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Tỉnh ủy và ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; trên cơ sở báo cáo của các cơ quan chuyên môn; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo một số nội dung theo yêu cầu, cụ thể như sau:

Phần I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW 22 THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai:

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 08-HD/BTGDVTU, ngày 26/9/2025 về tuyên truyền triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”, đảm bảo định hướng chính trị xuyên suốt, thống nhất trong quá trình triển khai. Thường xuyên chỉ đạo, định hướng tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tại Hội nghị giao ban báo chí, Hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh, Bản tin thông báo nội bộ định kỳ hằng tháng. Biên soạn, xuất bản cuốn sách “Cẩm nang về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình” nhằm cung cấp tài liệu chính thống phục vụ công tác tuyên truyền của các cấp ủy, chính quyền, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về chuyển đổi số, Phong trào “Bình dân học vụ số”. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh tổ chức Lễ Phát động phong trào “Bình dân học vụ số” bằng hình thức trực tiếp, kết hợp với trực tuyến từ điểm cầu Trung tâm Hội nghị tỉnh đến điểm cầu các xã, phường và các sở, ban, ngành trong tỉnh và truyền hình trực tiếp trên sóng truyền hình và các nền tảng số của Báo và phát thanh, truyền hình Ninh Bình. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh đã mở và duy trì các chuyên trang, chuyên mục: Ninh Bình chuyển đổi số, Chuyển đổi số, Chuyển động số, Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số; đồng thời, tuyên truyền lồng ghép trong nhiều chuyên mục khác với hàng trăm tin, bài, phóng sự được đăng tải trên báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, nền tảng mạng xã hội

như Facebook, Youtube, Tiktok... đã tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong các tầng lớp Nhân dân.

Hệ thống thông tin điện tử của Đảng và chính quyền được vận hành thông suốt. Cổng Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh, cùng các Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương đã duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện:

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch hành động số 15-KH/TU thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng Ban; 100% các xã, phường đều thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo. UBND tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch, đề án, chương trình trọng tâm như Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; Chiến lược dữ liệu tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; Chương trình phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược; Kế hoạch chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương.

UBND tỉnh đã ban hành Đề án số 01/ĐA-UBND, ngày 23/4/2026 về chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030. Đề án đã cụ thể hóa quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số tại tỉnh Ninh Bình; định hình lại mô hình phát triển dựa trên dữ liệu, công nghệ và nền tảng số; đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số và nâng cao chất lượng sống người dân; bảo đảm tỉnh Ninh Bình vươn lên nhóm các tỉnh dẫn đầu về mức độ trưởng thành chính quyền số và sáng tạo dữ liệu trong giai đoạn tới; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và hướng tới chính quyền minh bạch, kinh tế bền vững và xã hội số toàn dân.

- Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND quy định mức lập dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện: Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, các chương trình, kế hoạch được quan tâm, chỉ đạo thực

hiện nghiêm túc, đồng bộ và thường xuyên. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, các cơ quan chuyên môn đã kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, bảo đảm thống nhất về nội dung, phương pháp và tiến độ triển khai; đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực thực thi cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị, địa phương.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, thực hiện theo kế hoạch và đột xuất khi cần thiết; tập trung vào các nội dung trọng tâm, các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh hạn chế. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; đồng thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Công tác sơ kết, tổng kết: Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng yêu cầu về nội dung, thời gian và quy định. Trên cơ sở đó, Sở đã phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện quá trình tổ chức thực hiện, từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành cơ chế, chính sách đến kết quả triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Qua đó, đã làm rõ những kết quả đạt được, những mô hình, cách làm hiệu quả; đồng thời thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn, Sở đã đề xuất UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả triển khai; đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp thực hiện, tổ chức nguồn lực và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Tổng số nhiệm vụ được giao của cấp tỉnh trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (*theodoing.dcs.vn*) là 273 nhiệm vụ. Trong đó có 98 nhiệm vụ thường xuyên, 143 nhiệm vụ đã hoàn thành, 32 nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn, 0 nhiệm vụ quá hạn.

Tổng số nhiệm vụ được giao của cấp xã (1) giai đoạn 1 gồm 16 tiêu chí, Ninh Bình đã hoàn thành ngày 21/8/2025; (2) giai đoạn 2 gồm 92 tiêu chí (Đảng ủy: 18 tiêu chí; HĐND: 17 tiêu chí; UBND: 34 tiêu chí; UBNDTTQ: 23 tiêu chí), đến hết ngày 30/12/2025 các xã, phường đã hoàn thành 92/92 tiêu chí.

1. Về chuyển đổi số

1.1. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh 2.026 (cấp tỉnh 1.610; cấp xã 416); cung cấp DVC trực tuyến toàn trình 1.415 (cấp tỉnh 1.238; cấp xã 177); một phần 611 (cấp tỉnh 372; cấp xã 239); đã tích hợp trên Cổng DVC quốc gia 2.026 (đạt 100%); cung cấp trên Hệ thống tập trung của Bộ, ngành 1.956; còn 57

TTHC các Bộ đang giải quyết trên Hệ thống của tỉnh (Đất đai – Bộ NN&MT: 53; Hội nghị, hội thảo quốc tế – Bộ Ngoại giao: 04); 13 TTHC đặc thù của tỉnh (Du lịch: 11; Đường bộ: 02).

-Thực hiện Văn bản số 5721/BKHCN-CDSQG ngày 17/10/2025 về Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ, cấp tỉnh, hiện nay Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tiếp tục duy trì, đảm bảo hoạt động ổn định để tiếp nhận, giải quyết 97 TTHC từ cấp Bộ chuyển về thực hiện tại tỉnh (25 TTHC lĩnh vực Đầu tư - Bộ Tài chính; 53 TTHC lĩnh vực Đất đai - Bộ NN&MT; 04 TTHC lĩnh vực Hội nghị, Hội thảo Quốc tế - Bộ Ngoại vụ); 02 nhóm Dịch vụ công liên thông Khai sinh - Khai tử; 13 TTHC đặc thù của tỉnh. Hệ thống đã vận hành thông suốt, an toàn, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết công khai trên hệ thống của Bộ và của Tỉnh. 100% TTHC đủ điều kiện của tỉnh đã được cung cấp trực tuyến và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (2026 TTHC). Tỷ lệ hồ sơ được thực hiện bằng hình thức trực tuyến là 94,2%; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt trên 98,8%. Tỷ lệ hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp có phát sinh thanh toán trực tuyến đạt 89,3%. 100% kết quả TTHC được số hóa hoặc trả kết quả bằng văn bản điện tử, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu đã số hóa đạt 96,9%. Nhiều nhóm dịch vụ công thiết yếu đạt tỷ lệ trực tuyến 100% như đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn; Chứng thực điện tử; Đăng ký thường trú, tạm trú; cấp hộ chiếu phổ thông; đăng ký xe máy...

- Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Ninh Bình đạt 95,61/100 điểm, xếp loại xuất sắc.

1.2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- 100% xã, phường có cáp quang băng rộng đến thôn, xóm, tổ dân phố; 100% được phủ sóng 4G (phủ tới 100% dân số); 70% dân số được phủ sóng 5G; đã xử lý 04 điểm lùm sóng năm 2025; toàn tỉnh có trên 10.131 trạm BTS (2G: 1.717; 3G: 2.644; 4G: 4.917; 5G: 853).

- Đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng tới 100% cơ quan thuộc đối tượng bắt buộc; Trung tâm dữ liệu của tỉnh được đầu tư, vận hành tại Sở Khoa học và Công nghệ, bảo đảm lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu dùng chung; các hệ thống vận hành liên tục 24/7; chú trọng an toàn, an ninh mạng (giám sát, phòng chống mã độc, sao lưu, ứng cứu sự cố).

1.3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

Tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật và tổ chức triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số

chuyên ngành theo danh mục do các bộ, ngành Trung ương ban hành; bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trên môi trường số. Các nền tảng số quốc gia và chuyên ngành quan trọng đã được triển khai, khai thác ổn định, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý chuyên ngành và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp. Mức độ ứng dụng các nền tảng trong hoạt động của cơ quan nhà nước ngày càng thực chất, tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên tăng; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các nền tảng, cơ sở dữ liệu quốc gia từng bước được mở rộng.

1.4. Về dữ liệu số

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được vận hành ổn định, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tạo điều kiện khai thác thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, góp phần giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đến nay, 100% hồ sơ khi tiếp nhận, giải quyết đều có thể khai thác các trường thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện bằng hình thức trực tuyến đạt 94,4%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trung bình đạt trên 98,53%; tỷ lệ hồ sơ có phát sinh thanh toán trực tuyến đạt 97,38%; tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa hoặc trả kết quả bằng văn bản điện tử đạt 93,62%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa đạt 96,67%.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) hiện đã kết nối với trên 20 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, góp phần hình thành môi trường chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước. Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh hiện ghi nhận trên 1.500 bộ dữ liệu và hơn 54.000 lượt truy cập, khai thác. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nâng cao chất lượng dữ liệu, mở rộng kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, bảo đảm dữ liệu thực sự trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số của tỉnh.

1.5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Năm 2025 đã tổ chức gần 40 hội nghị, hội thảo với gần 5.000 đại biểu; 09 lớp tập huấn chuyển đổi số cho hơn 300 cán bộ; trên 50 hội nghị tập huấn cho gần 8.000 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; đào tạo kỹ năng số trực tiếp cho hơn 4.500 cán bộ, công chức tại 129 xã, phường.

Năm 2026, đã ban hành, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên hình thức linh hoạt, “mọi nơi, mọi lúc”, khai thác hiệu quả nền tảng “Bình dân học vụ số”. Theo kế hoạch sẽ tổ chức 30 lớp đào tạo cho cán bộ, công

chức, viên chức; tiếp tục tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng các dịch vụ số cho 100% các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng. Văn phòng Tỉnh ủy đã tổ chức hơn 150 lớp tập huấn cho cán bộ, công chức từ tỉnh đến các xã, phường gồm với tổng số hơn 3.000 lượt cán bộ.

- Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai, ở cấp tỉnh đã bố trí 150 công chức, viên chức chuyên trách; ở cấp xã đã bố trí 258 công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

1.6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

- Kinh tế số trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã có bước phát triển tích cực, tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP của tỉnh ước đạt khoảng 15%; nhiều doanh nghiệp đã từng bước ứng dụng công nghệ số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh. Thương mại điện tử, dịch vụ số có sự phát triển rõ nét; hoạt động kinh doanh trên các nền tảng số ngày càng phổ biến, góp phần mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

- Nhận thức của người dân về chuyển đổi số, xã hội số từng bước được nâng lên; phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai rộng khắp, góp phần phổ cập kỹ năng số cơ bản trong cộng đồng. Vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng và các thiết chế văn hóa cơ sở (nhà văn hóa thôn, bản) được duy trì, phát huy hiệu quả như các điểm hỗ trợ, tiếp cận số tại địa phương. Dịch vụ số trong lĩnh vực y tế, giáo dục, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử... được triển khai ngày càng phổ biến, từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ số trong đời sống. Hoạt động tương tác giữa chính quyền với người dân trên môi trường số được tăng cường; người dân ngày càng tham gia tích cực vào các nền tảng số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

2. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Về việc triển khai các công nghệ chiến lược

Hiện nay, tỉnh tập trung thúc đẩy ứng dụng một số công nghệ chiến lược trong các lĩnh vực ưu tiên như: trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh và cải cách hành chính; dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây phục vụ quản trị, khai thác dữ liệu số; công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong nông nghiệp thông minh, quan trắc môi trường và du lịch thông minh; công nghệ bán dẫn và vi mạch thông qua các hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; công nghệ an toàn, an ninh mạng phục vụ bảo đảm an toàn hệ thống thông tin và dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

Bên cạnh đó, tỉnh đang tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các công nghệ và sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với lợi thế của địa phương để đề xuất

triển khai trong giai đoạn tới, gắn với các lĩnh vực có tiềm năng phát triển như du lịch thông minh, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số và phát triển dữ liệu số.

b) Về hạ tầng đào tạo, nghiên cứu

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện có hệ thống cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tương đối đa dạng với các trường đại học, cao đẳng công lập và ngoài công lập, đây là nguồn lực quan trọng phục vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo cho địa phương và khu vực phía Nam đồng bằng sông Hồng. Hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực nghiệm tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong sinh viên và giảng viên có nhiều chuyển biến tích cực.

Tỉnh từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo hướng mở, khuyến khích sự tham gia của các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập, doanh nghiệp và tổ chức khoa học công nghệ trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

c) Hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS

Trên địa bàn tỉnh có 21 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 03 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và 01 doanh nghiệp công nghệ cao đang hoạt động ổn định trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ khí chế tạo, vật liệu mới, dược phẩm, công nghệ môi trường và chế biến nông sản.

Hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ngày càng được quan tâm và triển khai rộng rãi. Kết quả khảo sát năm 2026 đối với 362 doanh nghiệp, hợp tác xã cho thấy có 181 đơn vị phát sinh hoạt động đổi mới sáng tạo, chiếm 50% tổng số đơn vị được khảo sát. Doanh thu từ các sản phẩm, dịch vụ mới hoặc được cải tiến chiếm trung bình khoảng 24,1% tổng doanh thu của các đơn vị.

Một số mô hình đổi mới sáng tạo tiêu biểu đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét, như: Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam ứng dụng công nghệ 4.0 với mức độ tự động hóa lên tới 90%, sử dụng hệ thống điều khiển tập trung và robot đóng gói, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất. Tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, việc ứng dụng đồng bộ công nghệ cắt đá bằng dây kim cương và máy chạm khắc CNC 3D đã giúp tăng năng suất lao động gấp 3-4 lần, giảm tỷ lệ hao hụt nguyên liệu từ 15-20%, giảm khoảng 80% lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững làng nghề.

d) Về đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ Sở hữu trí tuệ

Từ năm 2025 đến nay theo số liệu từ Cục Sở hữu trí tuệ: Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, số đơn đăng ký nộp 15 sáng chế, 7 giải pháp hữu ích, 56 kiểu dáng

công nghiệp, 2170 nhãn hiệu. Trong đó số văn bằng đã được cấp là 5 sáng chế, 5 giải pháp hữu ích, 85 kiểu dáng công nghiệp, 1484 nhãn hiệu.

Đối với hoạt động công nhận sáng kiến có hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng: Năm 2025 có hơn 1.850 sáng kiến và 6 tháng đầu năm 2026 có 850 sáng kiến được các sở, ngành, đơn vị, địa phương công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng.

đ) Về vận hành Cổng sáng kiến KHCN và Sàn giao dịch công nghệ

Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến tỉnh Ninh Bình vận hành ổn định, hiệu quả, đã ghi nhận 641 công nghệ, sản phẩm mới được đưa lên sàn; thu hút 73 doanh nghiệp tham gia giao dịch; tiếp nhận 85 nhu cầu tìm kiếm công nghệ từ các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong năm 2026 đã hỗ trợ kết nối và ký kết thành công 36 hợp đồng chuyển giao công nghệ, cho thấy hiệu quả ngày càng rõ nét của hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ trên môi trường số. Sàn đã phê duyệt 35 thành viên tham gia, đăng tải 78 tin bài và 18 sự kiện khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu với 15.364 công nghệ, thiết bị, kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp kỹ thuật phục vụ nhu cầu tra cứu, kết nối và chuyển giao công nghệ. Đồng thời, đã đồng bộ 915 công nghệ, sản phẩm lên Sàn giao dịch khoa học và công nghệ quốc gia, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thị trường và kết nối với mạng lưới giao dịch công nghệ trên phạm vi cả nước.

e) Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Ninh Bình đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Sau khi hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 30/01/2026 về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo cơ sở chính trị quan trọng để triển khai các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trên địa bàn tỉnh.

g) Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Ninh Bình đã quan tâm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và tăng cường liên kết giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp nhằm gắn kết hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường và phát triển

kinh tế - xã hội địa phương. Về mô hình hợp tác "3 Nhà", các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đã chủ động mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) để triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu biểu, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định đã ký kết hợp tác với Công ty Quanta nhằm tăng cường đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, tiếp cận công nghệ tiên tiến và nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên. Trường Đại học Hoa Lư đã ký kết hợp tác với Câu lạc bộ Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Ninh Bình nhằm thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ sinh viên hình thành ý tưởng và dự án khởi nghiệp.

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đang xây dựng Đề án phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo; nghiên cứu đề xuất các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox); phát triển các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ chiến lược; đồng thời tăng cường liên kết giữa các thành tố trong hệ sinh thái nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của địa phương.

h) Về phát triển các khu công nghệ cao, đô thị thông minh

- Về phát triển Khu Công nghệ cao Ninh Bình: Khu Công nghệ cao Ninh Bình có quy mô 663,19 ha, được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-TTg ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, là khu công nghệ cao thứ năm của cả nước. Khu công nghệ cao được quy hoạch theo mô hình hệ sinh thái hoàn chỉnh, gồm 04 phân khu chức năng chính: khu nghiên cứu, phát triển, giáo dục đào tạo và ươm tạo công nghệ; khu dịch vụ công nghệ cao, quản lý điều hành và thương mại dịch vụ; khu sản xuất sản phẩm công nghệ cao; và khu logistics thông minh. Mô hình quy hoạch này bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo, đổi mới sáng tạo, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao, tạo điều kiện hình thành chuỗi giá trị khép kín từ nghiên cứu đến sản xuất và thị trường.

- Về phát triển đô thị thông minh: Bám sát định hướng của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số quốc gia, tỉnh Ninh Bình đã triển khai xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Ninh Bình đến năm 2030. Tỉnh đã thành lập Hội đồng điều phối phát triển đô thị thông minh; xây dựng lộ trình tích hợp hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và các nền tảng công nghệ của ba tỉnh trước hợp nhất nhằm hình thành một hệ thống quản trị đô thị thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh. Đề án đô thị thông minh được định hướng phát triển theo mô hình lấy dữ liệu làm trung tâm, tập trung xây dựng các nền tảng cốt lõi như trung tâm dữ liệu dùng chung, nền tảng dữ liệu đô thị tích hợp, hệ thống giám sát điều hành thông minh (IOC), hạ tầng mạng 5G, Internet vạn vật (IoT), hệ thống bảo đảm an toàn thông tin và mô hình thông tin đô thị số 3D GIS.

Đồng thời ưu tiên triển khai các lĩnh vực thông minh gồm chính quyền số, du lịch thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý môi trường và an ninh đô thị.

3. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

Năm 2025, tổng dự toán chi cho KHCN, ĐMST và CDS đạt 782,2 tỷ đồng, gồm 585,6 tỷ đồng chi thường xuyên và 196,6 tỷ đồng chi đầu tư phát triển. Riêng lĩnh vực khoa học và công nghệ, Trung ương giao 117,1 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 127,6 tỷ đồng; đến hết năm 2025 đã giải ngân 121,3 tỷ đồng, đạt 95,1% dự toán địa phương giao. Đối với lĩnh vực chuyển đổi số, tổng kinh phí bố trí đạt 654,6 tỷ đồng, giải ngân 382,0 tỷ đồng. Tổng tỷ lệ giải ngân kinh phí KHCN và CDS năm 2025 đạt khoảng 64,3%.

Năm 2026, đến ngày 10/6/2026, dự toán Trung ương giao cho tỉnh là 439,7 tỷ đồng; HĐND tỉnh đã phân bổ 1.780,5 tỷ đồng cho các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS. Tổng giá trị giải ngân đạt 86,2 tỷ đồng, tương đương 4,84% kế hoạch, chủ yếu là chi thường xuyên; các dự án đầu tư phát triển chưa thực hiện giải ngân.

4. Hợp tác quốc tế KHCN, ĐMST, CDS

Tỉnh Ninh Bình đã quan tâm quán triệt, triển khai các chủ trương, định hướng của Trung ương về đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò của hợp tác quốc tế trong tiếp cận tri thức mới, công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo từng bước được nâng lên.

Đối với hợp tác quốc tế về nghiên cứu chung và phát triển các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học và các lĩnh vực công nghệ cao khác, đến nay tỉnh chưa có chương trình hợp tác nghiên cứu hoặc dự án đầu tư trực tiếp với các đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, tỉnh đã tích cực nghiên cứu, cập nhật xu hướng phát triển công nghệ mới, từng bước chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng số, dữ liệu, nguồn nhân lực và cơ chế chính sách để sẵn sàng tham gia các chương trình hợp tác trong giai đoạn tiếp theo.

Về thu hút các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại địa phương, đến thời điểm báo cáo tỉnh chưa thu hút được các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ nước ngoài đặt trung tâm nghiên cứu, phát triển hoặc cơ sở sản xuất công nghệ cao trên địa bàn. Do đó, kết quả thực hiện nội dung này còn khoảng cách so với mục tiêu chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW về thu hút thêm các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới tham gia đầu tư, nghiên cứu và sản xuất tại Việt Nam.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn

- Chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế; thiếu nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành.
- Doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu quy mô nhỏ, năng lực đổi mới sáng tạo còn yếu; mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển còn hạn chế.
- Một bộ phận cán bộ và người dân, nhất là ở cơ sở, kỹ năng số còn hạn chế, thói quen sử dụng dịch vụ trực tiếp vẫn phổ biến.
- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn chưa đồng bộ, thiếu hướng dẫn cụ thể, đặc biệt ở cấp cơ sở.
- Hạ tầng số tại một số địa phương, nhất là cấp xã, còn thiếu và chưa đồng bộ; trang thiết bị xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số mới.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.
- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong một số trường hợp chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, nhất là trong chia sẻ dữ liệu.
- Chưa có cơ chế đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn, chuyên gia giỏi; môi trường đổi mới sáng tạo chưa thực sự hấp dẫn.

2.2. Nguyên nhân khách quan

- Lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là lĩnh vực khoa học, công nghệ cao, đôi khi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật không theo kịp tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ. Một số công nghệ mới, như: AI, Blockchain, Big Data,... phát triển quá nhanh, vượt khả năng dự báo và điều chỉnh của quy định hiện hành, tạo ra các "khoảng trống" pháp lý.

- Điều kiện kinh tế - xã hội của một số xã còn hạn chế, quy mô kinh tế nhỏ, ảnh hưởng đến khả năng bố trí nguồn lực.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP của

Chính phủ; Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình và các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

Xây dựng hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ, linh hoạt, khuyến khích đổi mới sáng tạo, làm nền tảng pháp lý cho quá trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh, trọng tâm:

- Xây dựng, Ban hành Quy chế Quản trị, Chuẩn hóa và Chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan trong việc tạo lập, làm sạch và chia sẻ dữ liệu, giải quyết 'điểm nghẽn' lớn nhất về dữ liệu;

- Ban hành Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh Ninh Bình, quy định rõ về chuẩn hóa, mô tả, thu thập “một lần - dùng nhiều lần” và danh mục dữ liệu bắt buộc số hóa;

- Hoàn thiện quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của CSDL tỉnh, quy định định danh – xác thực điện tử, và các quy chuẩn bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với chính sách quốc gia.

- Tham mưu cho UBND tỉnh công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết. Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ nâng cao năng suất xanh, năng suất bền vững dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ các doanh nghiệp đảm bảo đầy đủ yêu cầu tham gia các chuỗi sản xuất, cung ứng xanh, bền vững trong và ngoài nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai chương trình đảm bảo đo lường thông quan hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo.

3. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Khu vực công): Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng "thực chiến" cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức về kỹ năng quản trị, điều hành, an toàn thông tin và đặc biệt là kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định. Đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị có nhân sự nòng cốt, dẫn dắt chuyển đổi số.

- Phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu và thu hút nhân tài: Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút nhân tài, chuyên gia công nghệ cao. Đẩy mạnh liên kết đào tạo (đặc biệt với Đại học Hoa Lu) và các trường đại học, viện nghiên cứu để đào tạo nguồn nhân lực CNTT trình độ đại học và sau đại học, tập

trung vào các công nghệ lõi (AI, Big Data, IoT, An toàn thông tin) phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.

- Phổ cập kỹ năng số toàn dân (Xã hội số): Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số". Xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản trực tuyến (dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ áp dụng) và trên các phương tiện thông tin đại chúng, giúp người dân và người lao động thích ứng với thay đổi của thời kỳ chuyển đổi số.

- Đổi mới giáo dục phổ thông (Nguồn nhân lực tương lai): Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục. Cập nhật chương trình đào tạo CNTT. Tăng cường lồng ghép, đào tạo kỹ năng số, tư duy lập trình và văn hóa số (an toàn mạng) trong chương trình giáo dục.

4. Tham mưu xây dựng Kế hoạch, triển khai phương án đảm bảo hạ tầng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và bảo đảm hoạt động của các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu, đặc biệt là phát triển các nền tảng số, dịch vụ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và làm việc trên môi trường số của các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình địa phương 02 cấp.

5. Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, với mục tiêu: đảm bảo 100% các KCN, CCN (bao gồm: các KCN, CCN đã có nhà đầu tư thứ cấp, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định) được phủ sóng mạng 5G chất lượng cao, đủ năng lực phục vụ ứng dụng công nghệ số và sẵn sàng đáp ứng hạ tầng cho phát triển ứng dụng IoT,...; Triển khai thí điểm ứng dụng IoT ít nhất tại 01 KCN, CCN, tập trung vào một số lĩnh vực như: Giám sát môi trường (nước thải, khí thải, độ ồn,...); Quản lý tiêu thụ năng lượng thông minh (điện, nước, khí gas,...); Hệ thống an ninh, an toàn, giám sát ra vào, phòng cháy chữa cháy, cảnh báo tự động sử dụng cảm biến IoT,...

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ: Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox), quy định rõ cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho cán bộ khi triển khai thí điểm ứng dụng AI, Blockchain phục vụ người dân tại cơ sở.

2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Bộ Công an chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ sớm ban hành hướng dẫn phân định phạm vi, trách nhiệm quản lý dữ liệu tại địa phương: Giao Công an tỉnh phụ trách đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu và định danh dân cư; Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách quản trị dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế – xã hội.

- Đề nghị Bộ Công an sớm hoàn thành Hệ thống Điều phối để cán bộ giải quyết TTHC tại cấp xã chỉ đăng nhập một lần bằng một tài khoản VNeID.

- Đề nghị các Bộ, ngành nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống giải quyết TTHC cấp Bộ bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt; cập nhật kịp thời luồng kết nối dữ liệu cho mô hình chính quyền 02 cấp sau sáp nhập

Phần II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 59-NQ/TW NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai

- Việc tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết được triển khai bằng nhiều hình thức phù hợp, gắn với các hội nghị, cuộc họp, sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ và hoạt động chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động lồng ghép nội dung hội nhập quốc tế vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời tăng cường phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Thông qua công tác học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hội nhập quốc tế tiếp tục được nâng cao. Tư duy về hội nhập quốc tế từng bước chuyển từ tham gia, thích ứng sang chủ động, tích cực khai thác các cơ hội hợp tác và nguồn lực quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện

- Sau họp nhất tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 08/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, xác định các nhiệm vụ trọng tâm và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 19/6/2026 về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, thay thế Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 18/9/2025, bảo đảm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để xây dựng kế hoạch triển khai; đồng thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về hội nhập quốc tế vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình công tác hằng năm và nhiệm vụ chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị. Các nhiệm vụ về hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo,

chuyên đổi sổ, giáo dục, văn hóa và đối ngoại địa phương được cụ thể hóa, triển khai tương đối đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện Nghị quyết tiếp tục được tăng cường. Việc theo dõi, đôn đốc, rà soát và điều chỉnh các nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả triển khai Nghị quyết.

- Từ tháng 1/2026, sau khi Sở Ngoại vụ được thành lập và đi vào hoạt động, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Ngoại vụ làm cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh; đồng thời tiếp nhận, tiếp tục theo dõi và tham mưu triển khai các nhiệm vụ, hồ sơ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, bảo đảm tính liên tục, thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều phối và tổ chức thực hiện.

3. Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật

- Tỉnh Ninh Bình chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật riêng để triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW. Việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết được thực hiện thông qua các kế hoạch của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, trọng tâm là Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 08/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 19/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các kế hoạch đã xác định cụ thể nhiệm vụ, giải pháp, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm tổ chức thực hiện, làm cơ sở để các cấp, các ngành triển khai đồng bộ công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành và địa phương tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách, quy định thuộc phạm vi quản lý; chủ động tham gia góp ý, thẩm định các dự thảo văn bản có nội dung liên quan đến hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế và hoạt động có yếu tố nước ngoài, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Mặc dù chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật riêng để triển khai Nghị quyết, tỉnh Ninh Bình đang nghiên cứu, rà soát để sửa đổi, hoàn thiện và ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Tỉnh ủy Ninh Bình. Quy chế nhằm hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và phối hợp tổ chức các hoạt động đối ngoại; bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức, yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ phát triển công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của tỉnh trong tình hình mới.

4. Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh theo Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 10/4/2026, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tổ chức và triển khai nhiệm vụ trong tình hình mới. Sở Ngoại vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm chủ trì tham mưu, hướng dẫn, theo dõi

và đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW cùng các chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về hội nhập quốc tế.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành và địa phương đã chủ động cụ thể hóa các nhiệm vụ hội nhập quốc tế trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; tổ chức triển khai và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Công tác hướng dẫn, trao đổi thông tin và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được duy trì thường xuyên; tình hình thực hiện các nhiệm vụ được theo dõi, tổng hợp, qua đó kịp thời tham mưu xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai.

- Việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch về hội nhập quốc tế và các thỏa thuận quốc tế của tỉnh được thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của từng cơ quan, đơn vị. Qua rà soát, các khó khăn, vướng mắc và nội dung còn hạn chế từng bước được nhận diện để kịp thời đề xuất biện pháp khắc phục, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW.

- Công tác kiểm tra, giám sát được lồng ghép trong quá trình theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các ngành, lĩnh vực; qua đó bảo đảm các hoạt động đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh được triển khai đúng chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, các cam kết quốc tế có liên quan và định hướng phát triển của tỉnh.

5. Công tác sơ kết, tổng kết

- Qua rà soát, kể từ khi hợp nhất tỉnh, tỉnh chưa tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết hoặc ban hành báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW. Nguyên nhân chủ yếu do thời gian triển khai Nghị quyết trong mô hình tổ chức mới chưa dài, các nhiệm vụ đang trong quá trình cụ thể hóa và tổ chức thực hiện. Mặc dù chưa tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề, công tác theo dõi, rà soát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết vẫn được duy trì thông qua chế độ thông tin, báo cáo và việc rà soát tiến độ thực hiện các chương trình, kế hoạch về hội nhập quốc tế, tình hình triển khai các thỏa thuận quốc tế của tỉnh.

- Trên cơ sở kết quả tổng hợp của các sở, ban, ngành và địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; xác định những khó khăn, vướng mắc và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW trong thời gian tới. Công tác tổng hợp, báo cáo được thực hiện theo yêu cầu, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Kết quả thực hiện mục tiêu

- Các mục tiêu cụ thể tập trung vào 04 lĩnh vực chủ yếu: hội nhập kinh tế quốc tế; hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh; hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác; nâng cao năng lực, bản lĩnh chính trị và hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế. Kể từ khi Nghị quyết số 59-NQ/TW được ban hành, tỉnh Ninh Bình đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 08/9/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 19/6/2026, làm cơ sở phân công nhiệm vụ và tổ chức triển khai đồng bộ công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh.

- Các mục tiêu của Nghị quyết từng bước được cụ thể hóa, lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình công tác và nhiệm vụ chuyên môn của các sở, ban, ngành, địa phương. Công tác hội nhập quốc tế được triển khai trên nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương, tổ chức và đối tác nước ngoài; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường hợp tác về văn hóa, giáo dục, lao động, y tế, môi trường và đối ngoại nhân dân.

- Qua triển khai thực hiện, nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành về hội nhập quốc tế tiếp tục được nâng cao; cơ chế chỉ đạo, điều phối từng bước được kiện toàn; các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế ngày càng gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao vị thế của tỉnh. Các kết quả đạt được bước đầu góp phần tranh thủ nguồn lực bên ngoài, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của địa phương.

2. Chỉ tiêu

- Qua rà soát Nghị quyết số 59-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ và các kế hoạch của tỉnh, không có chỉ tiêu định lượng cụ thể được Trung ương giao trực tiếp cho tỉnh Ninh Bình. Một số chỉ tiêu định lượng được xác định tại Nghị quyết, như thứ hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; năng lực cạnh tranh du lịch; trình độ giáo dục, đào tạo và y tế, đều là chỉ tiêu ở quy mô quốc gia, có mốc phấn đấu chủ yếu đến năm 2030, không được phân bổ thành chỉ tiêu riêng cho từng địa phương.

- Mặc dù không được giao chỉ tiêu định lượng riêng, tỉnh Ninh Bình đã triển khai đầy đủ 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết. Đến thời điểm báo cáo, 07/07 nhóm nhiệm vụ đang được các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện, đạt tỷ lệ 100% số nhóm nhiệm vụ được triển khai; không có nhóm nhiệm vụ bị bỏ sót hoặc chưa triển khai. Do đây là các nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, có phạm vi rộng và lộ trình thực hiện dài hạn, chưa có nhóm nhiệm vụ nào được xác định là đã hoàn thành toàn bộ.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

Tính đến thời điểm báo cáo, các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc cập nhật, theo dõi và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống theo dõi việc thực hiện nghị quyết tại địa chỉ theodoinq.dcs.vn. Tổng số nhiệm vụ thuộc Nghị quyết số 59-NQ/TW được theo dõi trên Hệ thống là 07 nhiệm vụ, đều có tính chất thường xuyên, lâu dài. Hiện nay, 07/07 nhiệm vụ đang được triển khai theo tiến độ, đạt tỷ lệ 100%; chưa có nhiệm vụ được xác định hoàn thành toàn bộ do thời hạn thực hiện còn tiếp tục; không có nhiệm vụ quá hạn hoặc chậm tiến độ. Kết quả cụ thể như sau:

Nhóm nhiệm vụ số 1: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong triển khai hội nhập quốc tế trong tình hình mới

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 08/9/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 19/6/2026 để tổ chức triển khai thực hiện. Các kế hoạch đã xác định nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị và tạo cơ sở để tổ chức triển khai công tác hội nhập quốc tế phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành và địa phương đã chủ động cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ về hội nhập quốc tế trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và hoạt động chuyên môn; đồng thời tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin trong quá trình tổ chức thực hiện. Công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 59-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh được triển khai bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác hội nhập quốc tế.

- Cùng với đó, các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách, quy định thuộc phạm vi quản lý; chủ động tham gia góp ý, hoàn thiện các văn bản, chương trình, kế hoạch có liên quan đến hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế và hoạt động có yếu tố nước ngoài, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Qua triển khai thực hiện, nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò và

tầm quan trọng của hội nhập quốc tế tiếp tục được nâng cao; tư duy hội nhập từng bước chuyển từ tham gia, thích ứng sang chủ động, tích cực khai thác cơ hội hợp tác và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển. Công tác hội nhập quốc tế ngày càng gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại của tỉnh.

- Cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương từng bước được củng cố; vai trò chỉ đạo, điều phối của Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh và cơ quan thường trực được phát huy. Qua đó, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh mở rộng, nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác quốc tế và phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

Nhóm nhiệm vụ số 2: Kết quả hội nhập về kinh tế

- Tỉnh Ninh Bình đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, gắn với cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư và mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế.

- Công tác thu hút đầu tư được triển khai theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao và khả năng tham gia sâu vào chuỗi sản xuất, cung ứng trong nước và quốc tế. Tỉnh đã xây dựng danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư; đồng thời tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 26/02/2026, tạo cơ sở để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, phát huy tiềm năng, lợi thế và mở rộng không gian phát triển của tỉnh.

- Các sở, ngành chủ động rà soát, tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư có yếu tố nước ngoài, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững. Công tác xúc tiến đầu tư từng bước được đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm và hướng tới các thị trường, đối tác tiềm năng; tăng cường quảng bá môi trường đầu tư, tiềm năng và lợi thế của tỉnh đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Cùng với thu hút đầu tư, tỉnh quan tâm triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập quốc tế. Các sở, ngành đã hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử, nâng cao năng lực quản trị, cải tiến công nghệ, từng bước tham gia

sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; đồng thời tăng cường khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường và kinh tế thế giới.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và hỗ trợ doanh nghiệp khai thác các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên tiếp tục được đẩy mạnh. Triển khai các hoạt động thông tin, cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại; xây dựng Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa đối tác và tận dụng hiệu quả các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP.

- Hoạt động đối thoại, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp được tăng cường. Chi cục Hải quan khu vực IV đã phối hợp tổ chức Hội nghị gặp mặt, đối thoại với hơn 200 doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh, qua đó kịp thời cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật mới, giải đáp khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ các quy định về hải quan, thương mại quốc tế.

- Tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, logistics và kết nối vùng; tăng cường liên kết kinh tế với các địa phương trong khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, kết nối thị trường, thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất, sở hữu trí tuệ, xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm được triển khai, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Nhìn chung, công tác hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh đã được triển khai tương đối đồng bộ, bám sát các định hướng của Nghị quyết số 59-NQ/TW. Qua đó, môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; năng lực hội nhập và khả năng thích ứng của doanh nghiệp từng bước được nâng lên; hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và hỗ trợ xuất khẩu được đẩy mạnh, tạo nền tảng để tỉnh tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Nhóm nhiệm vụ số 3: Kết quả hội nhập về chính trị, quốc phòng, an ninh

- Hội nhập chính trị *(công tác duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương quốc tế)*

Kể từ khi Nghị quyết số 59-NQ/TW được ban hành, tỉnh Ninh Bình đã nghiêm túc triển khai các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về đối ngoại, hội nhập quốc tế; chú trọng duy trì, củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các địa phương, tổ chức và đối tác nước ngoài trên cơ sở phù hợp với tiềm năng, thế mạnh, nhu cầu và định hướng phát triển của các bên.

Các hoạt động đối ngoại địa phương được triển khai đồng bộ, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế của tỉnh và tranh thủ các nguồn lực quốc tế. Tỉnh tiếp tục duy trì, làm sâu sắc quan hệ với các đối tác đã thiết lập hợp tác; đồng thời chủ động nghiên cứu, thúc đẩy quan hệ với các địa phương nước ngoài có tiềm năng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

Sau hợp nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã báo cáo và được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương kế thừa các quan hệ hợp tác với địa phương nước ngoài do ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình thiết lập trước đây. Việc kế thừa được thực hiện nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định và hiệu quả của các quan hệ đối ngoại địa phương. Trên cơ sở đó, tỉnh tiếp tục củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống và ký kết các văn kiện hợp tác với một số đối tác quan trọng, trong đó có tỉnh Gunma, Nhật Bản; tỉnh Jeju và thành phố Asan, Hàn Quốc.

Cùng với việc duy trì và làm sâu sắc các quan hệ hiện có, tỉnh chủ động xúc tiến, mở rộng hợp tác với các địa phương nước ngoài có tiềm năng và thế mạnh phù hợp. Sở Ngoại vụ đã tham mưu xây dựng dự thảo Thỏa thuận hữu nghị và hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Chính quyền thành phố Jecheon, Hàn Quốc; đồng thời trao đổi với Châu Văn Sơn và Châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc về khả năng thiết lập, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực phù hợp với nhu cầu và thế mạnh của các bên.

Tỉnh đồng thời tăng cường rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các thỏa thuận quốc tế đã ký kết, bảo đảm các quan hệ hợp tác được triển khai liên tục, thực chất và hiệu quả. Sở Ngoại vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc tế của tỉnh, trong đó có Thỏa thuận hữu nghị và hợp tác với tỉnh Luxor, Ai Cập; qua đó đánh giá kết quả đạt được, xác định những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp tiếp tục duy trì, củng cố, thúc đẩy quan hệ hợp tác trong thời gian tới.

Các hoạt động đón tiếp đoàn khách quốc tế, tổ chức đoàn công tác nước ngoài, giao lưu nhân dân và hợp tác trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, lao động, du lịch được triển khai đúng chủ trương, quy định; góp phần tăng cường hiểu biết, củng cố quan hệ hữu nghị, quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của tỉnh trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Hội nhập quốc phòng, an ninh (*Công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại các sự kiện quốc tế, quản lý hoạt động của người nước ngoài hoặc các hoạt động có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh*)

Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh được triển khai gắn chặt với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Các cơ quan chức năng chủ động nắm tình hình, tăng cường phối hợp, kịp thời phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vấn

đề phát sinh có yếu tố nước ngoài, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan liên quan đã phối hợp xây dựng, triển khai phương án bảo đảm an ninh, an toàn đối với các đoàn khách quốc tế, hội nghị, sự kiện chính trị, văn hóa, du lịch và hoạt động đối ngoại tổ chức trên địa bàn. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và phòng, chống các loại tội phạm xuyên quốc gia được quan tâm thực hiện, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào, người nước ngoài, hoạt động của các tổ chức nước ngoài và các hoạt động có yếu tố nước ngoài được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Các dự án đầu tư, chương trình và hoạt động hợp tác quốc tế được rà soát, thẩm định về các nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc và phát triển bền vững trước khi triển khai.

Đến thời điểm báo cáo, tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; không phát sinh vụ việc phức tạp liên quan đến yếu tố nước ngoài. Các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế được tổ chức an toàn, đúng chủ trương, quy định, góp phần duy trì môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh.

Nhóm nhiệm vụ số 4: Kết quả hội nhập về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Kể từ khi Nghị quyết số 59-NQ/TW được ban hành, tỉnh Ninh Bình đã quan tâm triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời tổ chức thực hiện Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 10/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 74-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua đó, các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được cụ thể hóa, phân công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành và địa phương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công. Các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và giải pháp công nghệ thông tin từng bước được nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao

chất lượng quản trị, hiệu quả xử lý công việc và khả năng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị.

- Trong lĩnh vực du lịch, tỉnh chú trọng phát triển các sản phẩm, tiện ích và nền tảng du lịch thông minh; triển khai hệ thống kiosk thông tin du lịch, wifi du lịch thông minh và các công cụ số hỗ trợ tra cứu, cung cấp thông tin cho du khách. Việc ứng dụng công nghệ số góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường quảng bá hình ảnh, điểm đến và các sản phẩm du lịch của tỉnh trên môi trường số.

- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quan tâm triển khai. Các cơ quan chuyên môn đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất, sở hữu trí tuệ, xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm; từng bước hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn chất lượng, yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia của doanh nghiệp vào các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được thúc đẩy. Tỉnh chủ động nghiên cứu, tiếp cận kinh nghiệm, mô hình và nguồn lực quốc tế trong các lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, hạ tầng kỹ thuật và quản trị đô thị hiện đại; đồng thời quan tâm mở rộng hợp tác về giáo dục, đào tạo, chuyển giao công nghệ, kết nối chuyên gia, nhà khoa học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các hoạt động này góp phần nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng tiếp cận các xu hướng phát triển mới của tỉnh.

- Trong quá trình triển khai Nghị quyết, tỉnh đã phối hợp tổ chức Diễn đàn quốc gia số Việt Nam - DIGIFEST 2026 với chủ đề “Phát triển nền tảng số và dịch vụ số, chuyển các hoạt động lên môi trường số”. Diễn đàn tạo điều kiện để các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, chuyên gia và tổ chức trong nước, quốc tế trao đổi, kết nối, chia sẻ kinh nghiệm và giới thiệu các giải pháp công nghệ; qua đó góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và tăng cường liên kết, hợp tác trong lĩnh vực công nghệ số.

- Nhìn chung, các nhiệm vụ về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được tỉnh quan tâm triển khai, bước đầu góp phần nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và cải thiện năng lực cạnh tranh. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp tục tiếp cận, tranh thủ các thành tựu, kinh nghiệm và nguồn lực quốc tế, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới.

Nhóm nhiệm vụ số 5. Kết quả hội nhập về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác

- Thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, tỉnh Ninh Bình đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, giáo dục, lao động, y tế, môi trường và thông tin đối ngoại; qua đó quảng bá hình ảnh địa phương, phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển bền vững và tăng cường giao lưu, hợp tác với các đối tác quốc tế.

- Trong lĩnh vực văn hóa và du lịch, tỉnh tăng cường quảng bá hình ảnh đất và người Ninh Bình, các giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể danh thắng Tràng An tới bạn bè quốc tế thông qua các hoạt động đối ngoại, xúc tiến du lịch và truyền thông quốc tế. Tỉnh đã triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch tại Nhật Bản và tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam (VITM Hanoi 2026), qua đó giới thiệu tiềm năng, thế mạnh du lịch của địa phương tới các đối tác và du khách quốc tế. Các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử được phát triển theo hướng chuyên nghiệp, bền vững, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; cùng với đó là việc tăng cường ứng dụng công nghệ số, quảng bá đa ngôn ngữ và phát triển các nền tảng du lịch thông minh nhằm nâng cao hiệu quả xúc tiến du lịch trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Trong lĩnh vực lao động, tỉnh duy trì hiệu quả các chương trình hợp tác lao động thời vụ với các địa phương của Hàn Quốc. Đến nay, tỉnh đã ký kết và triển khai 06 thỏa thuận hợp tác lao động thời vụ với các địa phương Hàn Quốc, tạo thêm việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động, đồng thời mở rộng cơ hội giao lưu và tiếp cận môi trường làm việc quốc tế. Bên cạnh đó, tỉnh chú trọng nghiên cứu mở rộng các chương trình hợp tác về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao kỹ năng hội nhập cho người lao động.

- Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tỉnh duy trì và phát triển các chương trình hợp tác giáo dục với tỉnh U-Đôn Xay (Lào) cùng các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Việc triển khai Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 được đẩy mạnh, qua đó tăng cường năng lực ngoại ngữ và năng lực hội nhập quốc tế cho thế hệ trẻ, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nguồn nhân lực của tỉnh.

- Trong lĩnh vực y tế, ngành Y tế tăng cường năng lực giám sát và phòng, chống dịch bệnh; chủ động theo dõi, phát hiện sớm và ứng phó với các nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh xuyên biên giới trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Cùng với đó, ngành chú trọng tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới trong công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Trong lĩnh vực môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, tỉnh đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển xanh theo các

cam kết quốc tế của Việt Nam, đặc biệt là các cam kết tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26). Các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển bền vững được quan tâm tổ chức thực hiện.

- Bên cạnh đó, công tác thông tin đối ngoại được đổi mới theo hướng hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ số. Các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh sử dụng các nền tảng số, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và quảng bá hình ảnh địa phương trên môi trường mạng; qua đó nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại, thúc đẩy ngoại giao số và mở rộng khả năng tiếp cận thông tin về tỉnh Ninh Bình đối với các đối tác quốc tế.

- Nhìn chung, các hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, giáo dục, lao động, y tế, môi trường và thông tin đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế của tỉnh, tăng cường kết nối với các đối tác quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nhóm nhiệm vụ số 6: Kết quả hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về hội nhập quốc tế, thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế

- Thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, tỉnh Ninh Bình đã quan tâm hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực ký kết, tổ chức thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế, qua đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Các sở, ngành, địa phương chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Công tác tham gia góp ý, thẩm định các dự thảo văn bản liên quan đến hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế và các hoạt động có yếu tố nước ngoài được thực hiện thường xuyên, qua đó nâng cao chất lượng xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý, theo dõi việc ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế được tăng cường. Sở Ngoại vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tình hình thực hiện các thỏa thuận quốc tế của tỉnh, qua đó đánh giá kết quả triển khai, xác định những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nâng cao tính thiết thực, khả thi và hiệu quả của các nội dung hợp tác. Trong đó, tập trung rà soát việc thực hiện Thỏa thuận hữu nghị và hợp tác giữa tỉnh Ninh Bình và tỉnh Luxor, Ai Cập; quan hệ hợp tác giữa tỉnh Ninh Bình và tỉnh Hyogo, Nhật Bản; đồng thời tham mưu xây dựng dự thảo Thỏa thuận hữu nghị và hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Chính quyền thành phố Jecheon, Hàn Quốc.

- Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng thực hiện nghiêm các quy định về quản lý hoạt động đối ngoại, quản lý đoàn ra, đoàn vào, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; bảo đảm các hoạt động hợp tác quốc tế được tổ chức đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chủ trương đối ngoại của Đảng, Nhà nước và yêu cầu phát triển của tỉnh. Việc triển khai các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết được duy trì thường xuyên, từng bước đi vào nền nếp, góp phần củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài và tạo cơ sở thuận lợi cho việc mở rộng các chương trình hợp tác quốc tế trong thời gian tới.

Nhóm nhiệm vụ số 7: Kết quả nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế, hoạt động các Ban Chỉ đạo liên ngành, các Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố về hội nhập quốc tế

- Công tác chỉ đạo, điều phối và phối hợp liên ngành trong triển khai các nhiệm vụ hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm củng cố, từng bước bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch về hội nhập quốc tế.

- Tháng 1/2026, Sở Ngoại vụ tỉnh Ninh Bình được thành lập và đi vào hoạt động, góp phần kiện toàn cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Việc thành lập Sở Ngoại vụ tạo điều kiện tập trung đầu mối tham mưu, theo dõi, tổng hợp và điều phối các hoạt động hội nhập quốc tế; đồng thời nâng cao tính chủ động, chuyên nghiệp và thống nhất trong phối hợp triển khai nhiệm vụ giữa các sở, ban, ngành và địa phương.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh Ninh Bình theo Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 10/4/2026; giao Sở Ngoại vụ làm cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo và tiếp nhận các hồ sơ, nhiệm vụ liên quan đến việc triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW. Việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và xác định rõ cơ quan thường trực góp phần bảo đảm tính liên tục, thống nhất trong công tác tham mưu, chỉ đạo và điều phối hoạt động hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh.

- Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh đã phát huy vai trò điều phối liên ngành, hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ được giao. Việc phân công giữa cơ quan thường trực, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp từng bước được xác định rõ hơn, gắn với chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

- Với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Sở Ngoại vụ đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW cùng các chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh; theo dõi, tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện; hướng dẫn các cơ quan, đơn

vị cập nhật nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi; đồng thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế.

- Cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp tham mưu và giải quyết các nhiệm vụ có tính chất liên ngành tiếp tục được củng cố. Các mục tiêu, nhiệm vụ về hội nhập quốc tế từng bước được lồng ghép vào chương trình, kế hoạch phát triển của từng ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm gắn kết hội nhập quốc tế với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và triển khai công tác đối ngoại của tỉnh.

- Qua việc thành lập Sở Ngoại vụ, kiện toàn Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh và củng cố cơ chế phối hợp liên ngành, hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối và tổ chức thực hiện công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao; góp phần bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai thống nhất, đồng bộ, đúng tiến độ và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục tập trung khắc phục:

- Nguồn lực dành cho công tác hội nhập quốc tế còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn. Kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch quốc tế, thông tin đối ngoại và chuyển đổi số chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu mở rộng hợp tác, quảng bá hình ảnh địa phương và thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển.

- Chất lượng nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ hội nhập quốc tế chưa đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương. Đội ngũ cán bộ có trình độ ngoại ngữ, kiến thức chuyên sâu về hội nhập quốc tế, kỹ năng tham mưu, đàm phán, tổ chức hoạt động đối ngoại và kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế còn thiếu, ảnh hưởng nhất định đến chất lượng tham mưu và hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Hội nhập quốc tế là lĩnh vực có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp và nhiều lĩnh vực chuyên môn. Mặc dù cơ chế phối hợp liên ngành đã từng bước được củng cố, việc trao đổi, chia sẻ thông tin, phối hợp tham mưu và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ có thời điểm chưa thật sự đồng bộ; trách nhiệm và tiến độ phối hợp của một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đề ra.

- Việc triển khai một số thỏa thuận, chương trình hợp tác quốc tế còn chịu tác động bởi sự khác biệt về cơ chế, quy trình, nguồn lực và nhu cầu của các bên. Một số nội dung hợp tác cần thời gian dài để hoàn thiện thủ tục, thống nhất phương thức tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực, do đó kết quả đạt được chưa đồng đều giữa các đối tác và lĩnh vực hợp tác.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, biến động kinh tế toàn cầu, xu hướng bảo hộ thương mại, các thách thức về an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu và yêu cầu chuyển đổi số ngày càng cao đã tác động đến quá trình hội nhập quốc tế, hoạt động hợp tác quốc tế cũng như khả năng thu hút các nguồn lực bên ngoài của địa phương.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh làm thay đổi phạm vi quản lý, quy mô dân số và yêu cầu phát triển của tỉnh Ninh Bình mới; trong khi quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp nhân sự, hoàn thiện cơ chế phối hợp và thống nhất phương thức quản lý cần có thời gian để ổn định và phát huy hiệu quả.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nguồn lực dành cho các hoạt động hội nhập quốc tế, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn; việc huy động các nguồn lực xã hội và nguồn lực quốc tế phục vụ hội nhập quốc tế chưa thật sự tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế chưa đồng đều; đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ở một số cơ quan, đơn vị còn mỏng, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng hội nhập và kinh nghiệm quốc tế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

- Công tác phối hợp triển khai một số nhiệm vụ hội nhập quốc tế có tính chất liên ngành, liên lĩnh vực ở một số thời điểm còn gặp khó khăn; việc kết nối, thu hút các nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 59-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của hội nhập quốc tế đối với

phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh trong công tác tham mưu, điều phối liên ngành; nâng cao chất lượng phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hội nhập quốc tế theo hướng đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, định hướng mới của Trung ương thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ hội nhập quốc tế; thường xuyên đánh giá kết quả triển khai, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành, trao đổi thông tin và phối hợp thực hiện nhiệm vụ hội nhập quốc tế giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản thuộc phạm vi quản lý của địa phương nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; kịp thời cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 59-NQ/TW phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, góp ý, thẩm định các cơ chế, chính sách liên quan đến hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài và các hoạt động có yếu tố nước ngoài; bảo đảm môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, ổn định để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc ký kết, thực hiện và theo dõi các thỏa thuận quốc tế của tỉnh; thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả triển khai các thỏa thuận đã ký kết, bảo đảm tính kế thừa, liên tục và hiệu quả sau quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, đồng thời chủ động nghiên cứu, xây dựng các thỏa thuận hợp tác mới với các đối tác nước ngoài phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và hoạt động đối ngoại; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi

trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác quốc tế tham gia các hoạt động hợp tác, đầu tư, thương mại và du lịch trên địa bàn tỉnh.

3. Về nội dung khác

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo, văn hóa, du lịch, lao động, y tế, môi trường và đối ngoại nhân dân; phát huy hiệu quả các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), các cam kết quốc tế và mạng lưới quan hệ hợp tác của tỉnh nhằm phục vụ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

- Tăng cường ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; chủ động thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc quan hệ hợp tác với các địa phương, tổ chức và đối tác nước ngoài trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế, chú trọng bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế, kỹ năng đối ngoại, năng lực ngoại ngữ và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tăng cường năng lực tham mưu, dự báo và xử lý các vấn đề quốc tế phát sinh trong quá trình hội nhập.

- Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, đối ngoại văn hóa và quảng bá hình ảnh địa phương; phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể danh thắng Tràng An, góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh Ninh Bình trên trường quốc tế. Chủ động thích ứng với những biến động của tình hình thế giới và khu vực, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng với giữ vững độc lập, tự chủ, quốc phòng, an ninh và lợi ích phát triển của địa phương.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW trên địa bàn tỉnh, Sở Ngoại vụ kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền một số nội dung sau:

1. Với Ban Chấp hành Trung ương

Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, định hướng việc triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW bảo đảm đồng bộ, toàn diện và phù hợp với diễn biến tình hình thế giới, khu vực; kịp thời xác định những nhiệm vụ, lĩnh vực ưu tiên để các địa phương chủ động cụ thể hóa trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Với Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 59-NQ/TW; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và phổ biến các mô hình, cách làm hiệu quả trong công tác hội nhập quốc tế.

- Quan tâm chỉ đạo rà soát, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý và phối hợp triển khai hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế tại địa phương, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền và tình hình thực tiễn.

3. Với Đảng ủy Chính phủ

- Chỉ đạo Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các địa phương trong triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW; nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu và phương pháp đánh giá kết quả hội nhập quốc tế phù hợp với từng cấp, từng ngành và điều kiện của địa phương.

- Quan tâm hỗ trợ các địa phương kết nối với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, địa phương và đối tác nước ngoài; tạo điều kiện triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về hội nhập quốc tế, pháp luật và cam kết quốc tế, kỹ năng đối ngoại, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế tại địa phương.

4. Với Đảng ủy Quốc hội

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đối ngoại và hội nhập quốc tế, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các điều ước và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Quan tâm hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài và quản lý hoạt động có yếu tố nước ngoài, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để các địa phương chủ động mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia - dân tộc.

5. Với Tỉnh ủy Ninh Bình

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 08/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

nâng cao trách nhiệm, chủ động lồng ghép các nhiệm vụ hội nhập quốc tế vào chương trình, kế hoạch công tác và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quan tâm chỉ đạo rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Tỉnh ủy Ninh Bình, bảo đảm phù hợp với các quy định của Trung ương, mô hình tổ chức và yêu cầu quản lý hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế của tỉnh trong tình hình mới.

- Chỉ đạo tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, sở, ban, ngành và địa phương; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh và Sở Ngoại vụ trong tham mưu, theo dõi, điều phối, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ. Đồng thời, quan tâm bố trí nguồn lực, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Phần III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 66-NQ/TW, NGÀY 30 THÁNG 4 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- *Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai:* Thực hiện theo Kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, kết nối tới 37.000 điểm cầu ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, cơ quan, đơn vị, quân khu, quân chủng, quân đoàn trên cả nước, tỉnh Ninh Bình có 1.156 điểm cầu với 103.018 cán bộ, đảng viên tham dự; việc quán triệt còn được thông qua lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề và trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống chính trị cơ sở, bảo đảm cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung, tinh thần cốt lõi của Nghị quyết, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện:* Sau khi sáp nhập, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW như Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 12/12/2025 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày

20/10/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, trong đó chỉ đạo các các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tổ chức, đơn vị trực thuộc về nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Nhìn chung, việc xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW được triển khai nghiêm túc, bài bản, có trọng tâm, thể hiện rõ tư duy đổi mới, tính khả thi và quyết tâm chính trị cao trong việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- *Công tác thể chế hoá thành văn bản quy phạm pháp luật:* Công tác thể chế hóa các chủ trương, định hướng và nhiệm vụ của Nghị quyết số 66-NQ/TW được các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai gắn với nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Chất lượng công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, hiệu quả, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất và khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nội bật, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 quy định mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và quyết định quy phạm pháp luật của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng Nghị quyết quy định mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn qua đó góp phần bảo đảm nguồn lực cho công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- *Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện:* Công tác theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW được quan tâm thực hiện. UBND tỉnh giao Sở Tư pháp làm đầu mối tham mưu theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của Nghị quyết. Từ tháng 5 năm 2026, UBND tỉnh chỉ đạo bổ sung nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống VBQPPL theo Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng rà soát hệ thống VBQPPL trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và giao các cơ quan, đơn vị địa phương thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ 02 lần/tháng (vào ngày 13 và ngày 28). Trong quá trình triển khai, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình thực hiện; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc phát sinh để tổng hợp, tham mưu xử lý theo thẩm quyền.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện được các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai, lồng ghép với hoạt động kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật và

thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có liên quan, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm các nhiệm vụ của Nghị quyết số 66-NQ/TW được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- *Công tác sơ kết, tổng kết*: được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Ngày 29/4/2026, Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Báo cáo số 130-BC/TU về sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Thông qua công tác sơ kết, Tỉnh ủy đã đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, đồng thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện trong thời gian tới. Sau khi tổ chức sơ kết 01 năm triển khai thực hiện, Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về kết quả thực hiện 09 nghị quyết chiến lược của Trung ương, trong đó bao gồm Nghị quyết số 66-NQ/TW. Với vai trò là cơ quan chủ trì, Sở Tư pháp đã phối hợp hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; qua đó đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, hạn chế và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 66-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của tỉnh có liên quan

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ Nghị quyết số 66-NQ/TW; Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, qua đó tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp về vị trí, vai trò của công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong giai đoạn mới.

Công tác thông tin, tuyên truyền Nghị quyết số 66-NQ/TW tiếp tục được triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng, người dân và doanh nghiệp. Toàn văn các nghị quyết, kế hoạch liên quan cùng các văn bản triển khai của Trung ương, của tỉnh được đăng tải đầy đủ trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật và các trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương và hệ thống thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật

Công tác xây dựng và thi hành pháp luật tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW vào Chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2025-2030 và Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2026 tại Quyết định số 525-QĐ/TU, ngày 06/5/2026 về giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới gắn với việc thực hiện Kết luận số 15-KL/TW, ngày 30/9/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 22/5/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới; Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác bảo đảm an ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an Ninh Bình năm 2026 gắn với thực hiện các nghị quyết, kết luận, kế hoạch của tỉnh về xây dựng và thi hành pháp luật đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy các xã phường Thành Nam, Hải Xuân, Bình Giang, Nam Hoa Lư.

Các cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện đối với công tác xây dựng và thi hành pháp luật; chú trọng thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được quán triệt, nâng cao ý thức trách nhiệm, gương mẫu trong chấp hành và tuân thủ pháp luật, góp phần lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong toàn xã hội. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành được phát huy rõ nét, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật, chịu trách nhiệm về chất lượng chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý.

Các sở, ban, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh như Kế hoạch số 06-KH/ĐU ngày 27/10/2025 của Đảng ủy Sở Tư pháp; Kế hoạch số 2907/KH-SXD ngày 18/9/2025 của Sở Xây dựng; thống nhất nhận thức xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên; đồng thời thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và thi hành pháp luật.

3. Đổi mới tư duy, tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển.

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để tháo gỡ “điểm nghẽn”, xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được.

Đảng ủy HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh đổi mới tư duy và phương pháp trong công tác xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, đề cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhất là đối với các nội dung lớn, phức tạp, nhạy cảm; kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm các nghị quyết ban hành có vai trò định hướng, dẫn dắt, tạo đột phá, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn, kiến tạo hành lang cơ chế thông thoáng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Để đồng bộ các cơ chế, chính sách của ba tỉnh trước hợp nhất, Đảng ủy HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, ưu tiên chấp thuận quy trình xây dựng nghị quyết, quyết định theo trình tự, thủ tục rút gọn, kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn của tỉnh nhằm sớm ổn định và phục vụ phát triển sau hợp nhất; chỉ đạo các ban của HĐND tỉnh thực hiện tốt chức năng thẩm tra, tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có chọn lọc, kế thừa các chính sách phù hợp của ba tỉnh trước hợp nhất, bảo đảm các cơ chế, chính sách trước khi trình thông qua điều hợp Hiến, hợp pháp, khả thi và phù hợp với tình hình mới.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 20/10/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm quy trình soạn thảo, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân chủ, tập trung, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Đồng thời, yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đẩy mạnh truyền thông chính sách theo nhiều hình thức đa dạng, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số và nội dung chính sách có tác động lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc cơ chế tiếp

thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động; không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế chính sách và xây dựng pháp luật. Chỉ đạo tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật về điều kiện đầu tư, kinh doanh theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề và thủ tục hành chính bất hợp lý nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời phát triển mạnh mẽ hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, trợ giúp pháp lý, ưu tiên hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân.

4. Xây dựng và triển khai các giải pháp đột phá trong công tác thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật

Để triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương trong việc áp dụng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các nghị định hướng dẫn được ban hành, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản để cụ thể hoá và tổ chức thực hiện như: Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 về việc phân công cơ quan, người có trách nhiệm giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tự kiểm tra VBQPPL; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 06/8/2025 triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 166/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 phân cấp ban hành kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật; Công văn số 20/UBND-VP10 ngày 03/9/2025 về việc chỉ đạo công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật 6 tháng cuối năm 2025 ...và các văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp như Công văn số 823/STP-XDVBQPPL ngày 01/10/2025 về việc hướng dẫn một số nội dung về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 557/STP-XDVBQPPL ngày 18/3/2026 về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, qua đó từng bước hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh. Trước yêu cầu cấp thiết sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã được tham mưu áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm kịp thời điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong thực tiễn.

Thực hiện nghiêm túc công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, do vậy chất lượng văn bản ngày càng được nâng cao, góp phần bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp và khả thi của văn bản sau khi được ban hành, trong kỳ HĐND và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 422 VBQPPL (gồm 71 nghị quyết và 351 quyết định), góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo yêu cầu thực tiễn. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá được thực hiện thường xuyên trọng tâm là triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL và xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Toàn tỉnh đã rà soát 963 văn bản, xử lý 384 văn bản không còn phù hợp hoặc cần điều chỉnh (gồm 113 Nghị quyết, 270 Quyết định, 01 Chỉ thị), trong đó có 26 văn bản hết hiệu lực một phần (13 Nghị quyết, 13 Quyết định) và 352 văn bản hết hiệu lực toàn bộ 94 Nghị quyết, 257 Quyết định, 01 Chỉ thị); tiếp tục áp dụng đối với 06 văn bản (06 Nghị quyết).

Thực hiện chủ trương tổng rà soát hệ thống VBQPPL theo Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp là Cơ quan thường trực của Tổ công tác tổng rà soát hệ thống VBQPPL tỉnh Ninh Bình, đầu mối chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống VBQPPL trên địa bàn tỉnh. Với vai trò Cơ quan thường trực của Tổ công tác tổng rà soát hệ thống VBQPPL tỉnh Ninh Bình, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai; thành lập Tổ công tác, Tổ giúp việc và Thông báo phân công nhiệm vụ cho các thành viên thực hiện tổng rà soát trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo rà soát, lập danh mục sơ bộ các VBQPPL còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh với tổng số 1.546 VBQPPL (trong đó 1.193 VBQPPL cấp tỉnh, 139 VBQPPL cấp huyện và 214 VBQPPL cấp xã) làm cơ sở các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tổng rà soát. Đa dạng hóa các hình thức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn nghiệp vụ thông qua việc phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức 02 hội nghị (01 hội nghị tập huấn, 01 hội nghị trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc) cho hơn 300 đại biểu tham dự là đại diện lãnh đạo các sở, ngành, các Ban của HĐND tỉnh; lãnh đạo UBMTTQ Việt Nam tỉnh; lãnh đạo UBND các xã, phường và cán bộ, công chức làm trực tiếp nhiệm vụ rà soát tại một số sở, ngành và thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc; xây dựng chuyên mục riêng trên Trang thông tin điện tử của Sở; thành lập nhóm Zalo đầu mối các sở, ngành, địa phương để gửi tài liệu, trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng Phần mềm hỗ trợ tổng rà soát của Bộ Tư pháp. Cử đầu mối tiếp nhận, quản lý tài khoản, hỗ trợ sử dụng phần mềm kiểm tra, rà soát VBQPPL và thực hiện công tác báo cáo. Thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh để Bộ Tư pháp xem xét, tháo gỡ, qua đó góp phần bảo đảm tiến độ, chất lượng và thống nhất thống nhất cách làm trong công tác

tổng rà soát trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đang tập trung triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo yêu cầu đề ra. Công tác kiểm tra tiếp tục được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh tự kiểm tra đối với 351 Quyết định do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, qua kiểm tra về cơ bản các VBQPPL đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra theo thẩm quyền đối với 280 VBQPPL (59 Nghị quyết, 221 Quyết định) do HĐND, UBND cấp xã ban hành, qua kiểm tra phát hiện, hướng dẫn xử lý đối với 52 VBQPPL ban hành trong năm 2025 còn có nội dung; thể thức, kỹ thuật trình bày chưa phù hợp với quy định của pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng ban hành văn bản và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật ở cơ sở. Công tác thẩm định, góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, chất lượng ngày càng được nâng cao, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định 454 dự thảo VBQPPL; đóng góp 879 dự thảo văn bản (trong đó, góp ý 616 dự thảo VBQPPL; 263 góp ý phân cấp, ủy quyền và các nội dung khác). Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thường xuyên, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; chủ động tham mưu, cho ý kiến đối với 148 vụ việc phát sinh trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo đảm việc tổ chức thi hành pháp luật thống nhất, hiệu quả.

Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và thi hành pháp luật được triển khai đồng bộ, hiệu quả, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, thống nhất, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời hình thành cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với theo dõi, đánh giá và tổ chức thi hành pháp luật trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm pháp luật được thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

5. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật; thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Trên cơ sở mục tiêu đảm bảo chính sách hỗ trợ hằng tháng đối với đội ngũ trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chính sách, xây dựng pháp luật tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 phê duyệt danh sách công chức làm công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được hưởng hỗ trợ hằng tháng theo quy định Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội và triển khai thực hiện chi trả theo quy định từ tháng 7/2025. Việc triển khai chính sách hỗ trợ đã kịp thời động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu công tác xây dựng pháp luật, tạo điều kiện để cán bộ yên tâm công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, Sở Tư

pháp đang tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn (Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp chuyên đề tháng 7 năm 2026).

Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, chất lượng nguồn nhân lực pháp luật trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật, pháp chế có sự chuyển biến tích cực về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và năng lực tham mưu xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật; công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, thực hiện bài bản, gắn với yêu cầu thực tiễn, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Công tác bảo đảm nguồn lực tài chính cho xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được quan tâm triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW. Kinh phí phục vụ công tác xây dựng và thi hành pháp luật được triển khai, thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách hằng năm và từng bước tăng theo yêu cầu phát triển; đồng thời đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách theo nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ, gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 quy định mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và quyết định quy phạm pháp luật của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh, tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm nguồn lực, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Việc bố trí ngân sách cho công tác tổ chức thi hành pháp luật được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm và từng bước bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ; ưu tiên nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với các đối tượng đặc thù, yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và bảo đảm công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Tỉnh đã ưu tiên bố trí nguồn lực để xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; từng bước ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong các khâu xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, liên thông, dễ khai thác, sử dụng, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin và bí mật nhà nước.

Việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm được triển khai đồng

bộ; nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật được lồng ghép với các chương trình, phong trào “học tập số”, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ động phối hợp thực hiện khảo sát và cử đầu mối cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, qua đó từng bước tạo nền tảng cho việc hiện đại hóa công tác pháp luật trên địa bàn tỉnh.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN

1 Khó khăn, vướng mắc

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm, mang tính hình thức; việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi còn hạn chế.

- Việc tổng rà soát hệ thống VBQPPL được thực hiện với khối lượng văn bản cần rà soát, xử lý lớn, phạm vi rộng, trong khi thời gian thực hiện gấp, nhiều việc mới, việc khó được thực hiện cùng thời gian như việc đồng thời triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL và xử lý văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, gây khó khăn, áp lực cho các sở, ngành, đơn vị trong việc triển khai nhiệm vụ.

- Việc xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; chưa tạo được những đột phá rõ nét trong tháo gỡ các “điểm nghẽn” về thể chế, chính sách để thúc đẩy phát triển.

- Việc xây dựng và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ chuyển đổi số ở một số lĩnh vực, địa bàn chưa đồng bộ.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, Quốc hội đã ban hành Luật, Bộ luật, Nghị quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cùng lúc với nội dung phức tạp, chuyên sâu. Điều này tạo áp lực lớn cho địa phương trong việc kịp thời rà soát và xây dựng văn bản quy định chi tiết tương ứng.

2.2 Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và thi hành pháp luật; việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện có lúc, có nơi chưa kịp thời, chưa sâu sát.

- Sự phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu để phục vụ việc xây dựng văn bản còn chậm, gây ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định và tiến độ ban hành văn bản.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật tại các sở, ngành chủ yếu là kiêm nhiệm; thiếu tính ổn định, không chuyên trách, thiếu kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nên chất lượng tham mưu có nội dung còn hạn chế.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh; cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kế hoạch số 28-KH/ĐUQH ngày 16/5/2025 của Đảng ủy Quốc hội, Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ, Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nâng cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu về công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” về công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Chủ động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; góp phần hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý minh bạch, ổn định, đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; kiên quyết khắc phục tư duy “không quản được thì cấm”; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; đáp ứng yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tại địa phương.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tuân thủ đầy đủ nguyên tắc, quy trình xây dựng, ban hành văn bản theo hướng dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản.

3. Về nội dung khác

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác xây dựng pháp luật; cử cán bộ làm công tác tham mưu, nghiên cứu chính sách, xây dựng pháp luật tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ pháp luật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, nhất là đối với các chính sách có tác động lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm tính liên thông, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ sử dụng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên trong giám sát thi hành pháp luật; tăng cường công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường đối thoại, lắng nghe kiến nghị, phản ánh vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia công tác xây dựng và thi hành pháp luật; đồng thời, bố trí nguồn lực tài chính phù hợp, bảo đảm điều kiện thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và hướng dẫn tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và đúng thời hạn; tạo điều kiện để địa phương kịp thời xây dựng, ban hành văn bản thuộc thẩm quyền và tổ chức thi hành hiệu quả các quy định của pháp luật.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, tăng cường tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ công chức pháp chế, cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật tại địa phương; chú trọng cập nhật, hướng dẫn kịp thời các nội dung, quy định mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tổng rà soát

3. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thi hành pháp luật; tăng cường theo dõi, đánh giá, kiểm tra, rà soát văn bản theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Phần IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- *Công tác tổ chức học tập, quán triệt triển khai:* Sau khi Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của

Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân được ban hành, tỉnh Ninh Bình đã tổ chức học tập, quán triệt các nội dung liên quan tới phát triển kinh tế tư nhân đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; đồng thời rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của các nghị quyết gắn với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện:* Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân được ban hành; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 14 tháng 8 năm 2025⁽¹⁾, Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01a-KH/ĐU ngày 14 tháng 8 năm 2025⁽²⁾; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025⁽³⁾.

- *Công tác thể chế hoá thành các văn bản quy phạm pháp luật:* Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, tỉnh Ninh Bình đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng.

- *Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện:* Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW được triển khai thường xuyên, liên tục và đồng bộ. Thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 14/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, xác định rõ nội dung, tiến độ và trách nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức

⁽¹⁾ Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

⁽²⁾ Thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 14/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

⁽³⁾ Thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

thực hiện nghị quyết; Hiện nay, công tác theo dõi, giám sát tiếp tục được thực hiện thường xuyên thông qua chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW; Sở Tài chính với vai trò là cơ quan đầu mối đã chủ động đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ hàng tháng báo cáo về Bộ Tài chính và UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã kịp thời nắm bắt tiến độ thực hiện, phát hiện những khó khăn, vướng mắc phát sinh để tham mưu giải pháp tháo gỡ, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai các nghị quyết, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- *Công tác sơ kết, tổng kết:* được quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định và yêu cầu của Trung ương. Tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, đánh giá tình hình triển khai thực hiện trên địa bàn; đồng thời rà soát kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, từ đó đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện trong thời gian tới. Đối với công tác sơ kết 01 năm thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 27/5/2026, tỉnh Ninh Bình đã có báo cáo số 5531/BC-STC gửi Bộ Tài chính. Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá; thực hiện sơ kết, tổng kết định kỳ theo hướng dẫn của Trung ương nhằm kịp thời đánh giá kết quả thực hiện, phát hiện những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai các nghị quyết trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cốt lõi tại Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 01a-KH/ĐU của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 35/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển vượt bậc cả về số lượng, chất lượng và quy mô, dần khẳng định vị thế là “xương sống” vững chắc của nền kinh tế địa phương.

Công tác phát triển lực lượng doanh nghiệp đạt kết quả tích cực với số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng trưởng ổn định, cơ bản đạt chỉ tiêu đã đề ra. Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh có khoảng 26.450 doanh nghiệp đang hoạt động (tăng khoảng 1.750 doanh nghiệp so với năm 2025). 6 tháng đầu năm 2026, có 2.933 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 579 doanh nghiệp, tương ứng tăng 24,6% so với cùng kỳ (2.354 doanh nghiệp); tuy nhiên, tổng vốn điều lệ đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới đạt 25.247,529 tỷ đồng, giảm 1.612,632 tỷ đồng, tương ứng giảm 6% so với cùng kỳ (26.860,161 tỷ đồng), điều này cho thấy xu hướng thành lập doanh nghiệp vẫn được duy trì nhưng quy mô vốn đăng ký bình quân có xu hướng giảm, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường phục hồi chưa thực sự vững chắc; Số doanh nghiệp giải

thể là 453 doanh nghiệp, tăng 113,68% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 1.793 doanh nghiệp, giảm 1,86% so với cùng kỳ. Những con số này cho thấy một bộ phận doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong duy trì hoạt động do áp lực về chi phí sản xuất, khả năng tiếp cận vốn, sức mua thị trường và mức độ cạnh tranh ngày càng cao; Số doanh nghiệp hoạt động trở lại đạt 791 doanh nghiệp, tăng 6,03% so với cùng kỳ. Kết quả này cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục có những tín hiệu tích cực, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước và địa phương bước đầu phát huy hiệu quả, tạo điều kiện để doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu nguồn thu ngân sách tiếp tục chuyển dịch theo hướng bền vững, trong đó các khoản thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh chiếm 60,02% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, vượt mục tiêu đề ra, phản ánh hiệu quả phát triển của khu vực kinh tế tư nhân và sự gia tăng chất lượng tăng trưởng kinh tế địa phương; quý 1/2026, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 2.478,8 tỷ đồng; trong đó, thu ngân sách không bao gồm tiền sử dụng đất đạt 1.493,9 tỷ đồng, chiếm 60,02% tổng thu ngân sách. Tỷ trọng này cho thấy nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo, góp phần tạo nguồn thu ổn định, bền vững cho ngân sách địa phương, giảm dần sự phụ thuộc vào các khoản thu mang tính chất một lần như tiền sử dụng đất.

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp; tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo lộ trình đã đề ra.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thống kê các nhiệm vụ đã được xác định trong Nghị quyết và văn bản có liên quan

Mục thống kê các nhiệm vụ của Nghị quyết số 68-NQ/TW được trích xuất từ Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của trung ương (<https://theodoing.dcs.vn/>). Tổng số có 06 nhiệm vụ được giao, trong đó:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 2 nhiệm vụ (tỷ lệ 33,3%)
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 2 nhiệm vụ (tỷ lệ 33,3%)
- Số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ (tỷ lệ 0%)
- Số nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn: 4 nhiệm vụ (tỷ lệ 66,7%)
- Số nhiệm vụ ổn định đúng hạn: 6 nhiệm vụ (tỷ lệ 100%)
- Số nhiệm vụ sắp đến hạn: 0 nhiệm vụ (tỷ lệ 0%)
- Số nhiệm vụ đang tiến hành quá hạn: 0 nhiệm vụ (tỷ lệ 0%)

2. Kết quả thực hiện Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết

2.1. Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế

Sau hơn 1 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tinh thần đổi mới tư duy về vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được khẳng định rõ nét, coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Công tác tuyên truyền, quán triệt nghị quyết được thực hiện đồng bộ, góp phần tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị; môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện theo hướng công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh phát triển.

Bên cạnh đó, việc triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã góp phần khơi dậy niềm tin, tinh thần khởi nghiệp và khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng của đội ngũ doanh nhân. Nhiều doanh nghiệp tư nhân mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh. Phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh được lan tỏa mạnh mẽ, tạo xung lực mới, khí thế mới trong phát triển kinh tế tư nhân. Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu ngân sách và bảo đảm an sinh xã hội.

2.2. Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

a) Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ⁽⁴⁾ và Công điện số 127/CD-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ⁽⁵⁾, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã chủ động chỉ đạo⁽⁶⁾ các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Trên cơ sở đó, tỉnh đã ban hành các văn bản⁽⁷⁾ hướng dẫn bảo đảm đúng quy trình, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn địa phương, đặc biệt là trong công tác quản lý, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần tăng cường tính minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình đăng ký, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, cũng góp phần tạo động lực phát triển khu vực kinh tế tư nhân, khuyến khích các hộ kinh doanh mạnh dạn mở rộng quy mô, chuyển đổi mô hình hoạt động và sớm gia nhập thị trường, đóng

⁽⁴⁾ Về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025-2026.

⁽⁵⁾ Về tập trung hoàn thành cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

⁽⁶⁾ Công văn số 22/UBND-PVHCC ngày 07/8/2025 về việc triển khai thực hiện Công điện số 127/CD-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽⁷⁾ (1) Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; (2) Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và ổn định an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công khai, cung cấp thông tin, triển khai Luật tiếp cận thông tin trên Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và triển khai danh mục dữ liệu mở của từng ngành tương ứng nhằm đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, chính thống. Đồng thời, các sở, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng chuyên mục riêng “*Góp ý kiến, kiến nghị*” trên Trang thông tin điện tử nhằm kịp thời tiếp nhận ý kiến góp ý, phản hồi từ người dân, doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, chất lượng cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tỉnh Ninh Bình từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cải thiện môi trường đầu tư. Đến nay, các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư (bao gồm: chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) tại tỉnh Ninh Bình cơ bản được giải quyết theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình thông qua Cổng thông tin dịch vụ công Quốc gia. Hồ sơ được tiếp nhận, luân chuyển và xử lý hoàn toàn qua môi trường mạng bảo đảm công khai, minh bạch và thuận tiện cho nhà đầu tư. Quy trình giải quyết được chuẩn hóa, liên thông điện tử giữa các cơ quan có liên quan, góp phần rút ngắn thời gian xử lý và giảm chi phí thực hiện thủ tục. Nhà đầu tư có thể theo dõi tiến độ, nhận kết quả trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích; qua đó nâng cao trách nhiệm, kỷ luật hành chính của cơ quan giải quyết. Bên cạnh đó, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư tiếp tục được rút ngắn theo quy định của Luật Đầu tư, cụ thể: thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đã rút xuống từ 25 ngày xuống còn 17 ngày; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ 15 ngày xuống còn 10 ngày, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ 10 ngày xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

Ngành Thanh tra tỉnh đã ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2026⁸ và luôn chủ động rà soát điều chỉnh kịp thời nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng công tác đôn đốc, thực hiện các kết luận sau thanh tra; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đã tổ chức công bố, công khai và đăng tải đầy đủ các nội dung của các Kết luận thanh tra đã thực hiện xong trong quý I và quý II năm 2026 trên trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh theo đúng quy định của pháp luật để các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện; đồng thời qua đó làm cơ sở dữ liệu để cảnh báo các nguy cơ vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁽⁸⁾ Quyết định số 526/QĐ-TTtr ngày 04/12/2025 của Thanh tra tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2026

Nhằm kịp thời cung cấp các thông tin cảnh báo, khuyến nghị về các rủi ro và hành vi vi phạm pháp luật thường gặp trong hoạt động của doanh nghiệp, UBND tỉnh đã yêu cầu các các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng chuyên mục riêng về “*Cảnh báo, khuyến nghị cho doanh nghiệp*” trên Trang thông tin điện tử nhằm để nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của cộng đồng doanh nghiệp, góp phần phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa và hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động đúng quy định.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, ngành Công thương đã ban hành các Kế hoạch giám sát, kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đến năm 2030⁹. Theo đó, lực lượng Quản lý thị trường tỉnh tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính đối với hàng cấm, hàng hóa nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ¹⁰, hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, đặc biệt là đồ chơi trẻ em, mỹ phẩm, giày dép, quần áo, an toàn thực phẩm¹¹; kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu¹²...trên địa bàn tỉnh; kết quả: 6 tháng đầu năm 2026, đã kiểm tra 600 vụ, xử lý vi phạm hành chính 525 vụ với tổng số tiền phạt 5.456,250 triệu đồng; số tiền thu nộp ngân sách nhà nước là 8.227,368 triệu đồng¹³.

2.3. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao

a) Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân

Tỉnh đã triển khai nhiều cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, hạ tầng kỹ thuật và các nguồn lực cần thiết phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh; tập trung quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hạ tầng giao thông đồng bộ để tạo quỹ đất sạch, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, tỉnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng; tăng cường công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận mặt bằng sản xuất và triển

⁹ Nghị quyết số 397/NQ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đến năm 2030; Quyết định số 1098/QĐ-BCT ngày 08/5/2026 của Bộ Công Thương; Kế hoạch số 331/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch số 940/KH-SCT ngày 05/3/2026 của Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình về đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030; Kế hoạch số 2418/KH-SCT ngày 12/5/2026 của Sở Công Thương về đợt cao điểm giám sát, kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

¹⁰ 6 tháng đầu năm 2026, lực lượng quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra, xử lý 95 vụ việc vi phạm về sở hữu trí tuệ, với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính 987 triệu đồng, trị giá hàng hóa vi phạm trên 652 triệu đồng;

¹¹ 6 tháng đầu năm 2026, lực lượng quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra 162 vụ, xử lý 132 vụ, phạt tiền 811 triệu đồng, tịch thu hàng hóa giá trị 142,885 triệu đồng, giá trị hàng hóa buộc tiêu hủy là 479,377 triệu đồng

¹² 6 tháng đầu năm 2026, lực lượng quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra 10 vụ, xử lý 06 vụ, phạt tiền 315 triệu đồng

¹³ Phạt vi phạm hành chính bằng tiền là 5.456,250 triệu đồng, tiền thu lời bất hợp pháp là 61.506.194 đồng, tiền bán hàng hóa tịch thu là 2.709,611,640 triệu đồng

khai dự án đầu tư, cụ thể: Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025¹⁴, Quyết định 3380/QĐ-BNNMT ngày 25 tháng 8 năm 2025¹⁵ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Ngày 25 tháng 11 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1599/QĐ-UBND¹⁶. Theo đó, đã triệt để ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, thời gian giải quyết đối với 03 thủ tục trong lĩnh vực đất đai, bao gồm: 1. Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý 2. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất 3. Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai; Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến một phần với 30 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân

Thực hiện yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, tỉnh Ninh Bình xác định giáo dục STEM gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những định hướng quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, trang bị cho học sinh tư duy phản biện, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề. Tỉnh đã triển khai Văn bản số 17654-CV/VPTW ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng triển khai phòng học STEM do Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam tài trợ. Theo đó, giao nhiệm vụ cho ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ, triển khai tiếp nhận, khai thác, sử dụng phù hợp với tình hình thực hiện trong quá trình triển khai hệ thống phòng học STEMP (*Phòng học được trang bị đồng bộ các nhóm thiết bị hiện đại như: bảng tương tác thông minh, hệ thống AI - IoT, Robotics VEX, máy in 3D, máy cắt CNC, các bộ thí nghiệm về năng lượng, môi trường...Không gian phòng học được thiết kế theo định hướng tham chiếu các chuẩn giáo dục quốc tế như FabLab, NGSS, ISTE, CSTA*). Đây là bước tiến quan trọng trong việc cụ thể hóa chủ trương đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn của tỉnh, đồng thời tạo tiền đề để nhân rộng mô hình giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2.4. Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân

Tỉnh Ninh Bình đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với xu thế phát triển kinh tế số, cụ thể: đã thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số với nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, tư vấn, triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn. Tập trung lan toả tinh thần khởi nghiệp đổi mới

¹⁴ Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

¹⁵ Về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường.

¹⁶ Về việc công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần, danh mục dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Ninh Bình.

sáng tạo, chú trọng đẩy mạnh công tác truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội¹⁷; Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia (ngày 01/10 hàng năm).

Thúc đẩy chuyển đổi số kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân: Một số doanh nghiệp đã triển khai IoT¹⁸ ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; một số doanh nghiệp lớn đã triển khai một số mô hình phục vụ sản xuất, thương mại; có 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất bán dẫn. Duy trì và thúc đẩy hình thành các mô hình chợ 4.0; tuyến phố không dùng tiền mặt; điểm chỉ trả không dùng tiền mặt,.. tại các địa phương trong tỉnh. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử ngày càng cao, việc thanh toán bằng mã QR ngày càng phổ biến trong hoạt động mua, bán của người dân. Tổ chức thực hiện tốt chính sách thúc đẩy hạ tầng dùng chung và chia sẻ dữ liệu qua đó đẩy mạnh việc công khai, minh bạch thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức tiếp cận thông tin theo nhu cầu.

Trong thời gian tới sẽ phối hợp với các tổ chức, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai áp dụng khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, hoặc mô hình kinh doanh mới (*Sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ*).

Bên cạnh đó, tỉnh đã tổ chức làm việc với Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh Ninh Bình; làm việc với các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh về hoạt động đổi mới sáng tạo và kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, qua đó kết nối giữa doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước - Nhà trường trong truyền thông và đồng hành thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; tư vấn, hướng dẫn xã Vụ Bản khảo sát xây dựng thí điểm 01 điểm Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cấp xã.

2.5. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI

Công tác tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã quan tâm đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, tổ chức hội nghị đối thoại doanh nghiệp, diễn đàn kết nối cung - cầu, qua đó tạo điều kiện để các doanh nghiệp mở rộng hợp tác sản xuất, kinh doanh, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới cung ứng. Nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về vai trò liên kết, hợp tác cùng phát triển ngày càng được nâng cao, góp phần tạo môi trường sản xuất kinh doanh năng động, cạnh tranh lành mạnh và bền vững.

Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh đã chủ động liên kết với các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhà nước trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, sản xuất linh kiện, dịch vụ logistics, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao. Một số doanh nghiệp từng bước tham gia chuỗi cung ứng cho

¹⁷ Duy trì hoạt động 03 kênh truyền thông: Facebook, Tiktok, Trang thông tin điện tử Đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình với tên miền doimoisangtao.ninhbinh.gov.

¹⁸ đưa các thiết bị, máy móc, cảm biến và hệ thống có khả năng kết nối mạng vào hoạt động để thu thập dữ liệu, truyền dữ liệu, giám sát và điều khiển tự động.

các tập đoàn lớn, góp phần nâng cao năng lực quản trị, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực cũng được tỉnh quan tâm triển khai, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác và kết nối giữa các thành phần kinh tế.

2.6. Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tâm cỡ khu vực và toàn cầu

Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh như công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao. Nhiều doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn đã mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, từng bước khẳng định thương hiệu và vị thế trong nước.

Bên cạnh đó, tỉnh đã quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực về vốn, đất đai, khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, kết nối doanh nghiệp với các đối tác trong và ngoài nước. Một số doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn tiếp tục phát triển ổn định, đóng vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, du lịch và dịch vụ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và tăng thu ngân sách địa phương. Tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong cộng đồng doanh nghiệp ngày càng được lan tỏa, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

2.7. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

Thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh Ninh Bình chủ động triển khai miễn phí lệ phí, cũng như mức thu 0 đồng cho các cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Mặt khác, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động nghiên cứu, triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương. Việc ban hành, triển khai các chính sách này không chỉ góp phần giảm gánh nặng chi phí cho các hộ kinh doanh mà còn thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - thuế, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

2.8. Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia quản trị đất nước

Tỉnh đã chủ động kết nối, tiếp cận với các nhà đầu tư, doanh nghiệp thông qua việc tham gia các hoạt động xúc tiến, quảng bá đầu tư. Đồng thời, hàng tháng, đã tổ chức thành công Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn liên quan đến lĩnh vực đất đai, thuế...; Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, doanh nhân năm 2025 nhân ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10/2025 thu hút hơn 700 doanh nghiệp, doanh nhân và đại biểu tham dự nhằm biểu dương những thành tích, đóng góp quý báu của doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

- Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa, tiềm lực tài chính và trình độ quản trị còn hạn chế; do đó việc tiếp cận, nắm bắt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Trung ương, trong đó có Nghị quyết số 68-NQ/TW còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự hiệu quả.

- Đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ, năng lực tài chính và quản trị còn yếu; khả năng đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số chưa cao. Bên cạnh đó, một bộ phận doanh nghiệp chưa chủ động tìm hiểu, cập nhật thông tin pháp luật; chưa hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp lý trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Một số hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ thông tin, dẫn đến tiến độ triển khai còn chậm so với kế hoạch. Chi phí đầu tư ban đầu cho thiết bị và phần mềm vẫn còn là rào cản đối với một số cá nhân, hộ kinh doanh quy mô nhỏ, điều kiện tài chính khó khăn.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội; Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01a-KH/ĐU của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 35/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; không ngừng đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân; tăng cường theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

Tiếp tục rà soát, triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp

khởi nghiệp sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai, tín dụng, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực và mở rộng thị trường.

3. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế tư nhân tại Chương trình hành động số 05-CTr/TU, Kế hoạch số 01a-KH/ĐU của Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch số 35/KH-UBND, cụ thể:

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ ứng dụng chuyển đổi số để cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh trong các quy định về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn... đảm bảo hoàn thành các mục tiêu và lộ trình quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP.

- Ứng dụng triệt để chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần để giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân và doanh nghiệp.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án vướng thủ tục, chậm tiến độ; đưa vào khai thác nguồn lực đất đai bị lãng phí, đất công, trụ sở cơ quan không sử dụng, đất trong các vụ việc tranh chấp, vụ án kéo dài.

- Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành cho kinh tế tư nhân, Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) ngay sau khi các quy định hướng dẫn thi hành được Trung ương ban hành, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình.

- Tiếp tục tham mưu xây dựng, triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ, cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh khi Trung ương sửa đổi, bổ sung quy định và triển khai thực hiện.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả Hội nghị đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã; tiếp nhận, tham mưu giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu tham mưu những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2026. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kính đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị.

2. Với Đảng uỷ Chính phủ: Đối với kiến nghị, đề xuất liên quan đến nhiệm vụ tại Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về *“Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại”*, kính đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính sớm hướng dẫn địa phương xây dựng, ban hành quy định bảo đảm thống nhất, đồng bộ và đúng quy định của pháp luật.

Phần V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 70-NQ/TW, NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- **Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai:** Tỉnh uỷ Ninh Bình đã tham gia và tổ chức các Hội nghị toàn quốc ngày 16/9/2025, Hội nghị trực tuyến để toàn thể cán bộ học tập, nắm vững các quan điểm, mục tiêu của các Nghị quyết của Bộ Chính trị, trong đó có Nghị quyết số 70/NQ-TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện; Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị, Sở Công Thương đã mưu triển khai một số nội dung sau:

- UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (*Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình*);

- Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện: Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ và

Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁽¹⁹⁾.

- Công tác sơ kết, tổng kết: Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp số liệu, tham mưu xây dựng văn bản Báo cáo UBND tỉnh các nội dung công việc triển khai theo 03 tháng đầu năm 2026 theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và báo cáo định kỳ 06 tháng gửi Bộ Công Thương;

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

- Các mục tiêu và chỉ tiêu đã được UBND tỉnh đề xuất phân đầu thực hiện đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cơ bản đáp ứng yêu cầu theo các mục tiêu đặt ra tại Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cụ thể như sau:

- Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng trong toàn tỉnh, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030;

- Nâng tỷ trọng năng lượng tái tạo, năng lượng mới (*điện gió, điện mặt trời, sinh khối, điện rác,...*) trong cơ cấu nguồn điện của tỉnh theo đúng định hướng Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025.

- Khuyến khích phát triển các mô hình nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ điện tại các doanh nghiệp và hộ gia đình, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà.

- Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng.

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng $(8\div 10)\%$.

- Bảo đảm cung ứng đủ xăng dầu và nguồn khí LNG, nâng cao hiệu quả và giảm phát thải.

- Góp phần cùng cả nước giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng, phù hợp với cam kết quốc tế và điều kiện của tỉnh.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

2.1. Việc thực hiện các nhiệm vụ được giao

Tổng số nhiệm vụ: 22 nhiệm vụ. Trong đó:

- Số nhiệm vụ thường xuyên: 11 nhiệm vụ;

⁽¹⁹⁾ Văn bản số 3038/SCT-NL ngày 02/6/2026 của Sở Công Thương về việc đôn đốc thực hiện và chuyển xử lý đề xuất/kiến nghị của các cơ quan, doanh nghiệp liên quan về thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ;

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 22 nhiệm vụ;
- Đã hoàn thành đúng hạn: 22 nhiệm vụ;
- Đã hoàn thành quá hạn: không;
- Số nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn: 11 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ ổn định đúng hạn: 11 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ sắp đến hạn: không;
- Số nhiệm vụ đang tiến hành quá hạn: không.

2.2. Kết quả tổ chức thực hiện cụ thể các nhiệm vụ, biện pháp, việc thực hiện các dự án đầu tư năng lượng trên địa bàn.

- Việc phát triển các mô hình, giải pháp sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng vùng, địa phương, nhất là các mô hình tự sản xuất, tự tiêu thụ tại doanh nghiệp, hộ gia đình, mô hình cộng đồng năng lượng:

+ UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2538/UBND-VP4 ngày 21/4/2026 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 2547/UBND-VP4 ngày 21/4/2026 và Văn bản số 3484/UBND-VP4 về tích cực tham gia đầu tư, lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã có 699 tổ chức/các nhân lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ với tổng công suất khoảng 173,54MW;

+ UBND tỉnh có văn bản⁽²⁰⁾ gửi Bộ Công Thương về việc tham gia ý kiến về kết quả tính toán phân bổ công suất và rà soát, đề xuất danh mục các dự án pin lưu trữ (BESS) đề cập nhật trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII (*đề xuất tổng dung lượng tăng thêm khoảng 1.050MW*);

- Việc rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong quy hoạch, cấp phép, huy động vốn,... cho các dự án về năng lượng; có cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội để thu hút dự án,...

+ Sở Công Thương phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và các Sở, ngành liên quan tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh các dự án tại Khu kinh tế Ninh Cơ;

+ Định kỳ hàng tuần/tháng có báo cáo gửi UBND tỉnh về tình hình tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án lưới điện trên địa bàn tỉnh; định kỳ trước ngày 25 hàng tháng có Báo cáo gửi Bộ Công Thương về tình hình triển

⁽²⁰⁾ Văn bản số 2077/SCT-NL ngày 20/4/2026 của Sở Công Thương về việc tham gia ý kiến đối với các dự án pin lưu trữ (BESS) đề xuất cập nhật trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII;

khai các dự án điện trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh⁽²¹⁾;

- Khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các trang thiết bị sản xuất trong nước, cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các dự án năng lượng phi lợi nhuận, thân thiện môi trường, xử lý rác có thu hồi năng lượng,...: Trên địa bàn tỉnh hiện có dự án Nhà máy điện rác Greenity Nam Định, công suất 15MW đang triển khai đầu tư tại phường Mỹ Lộc (*dự kiến phát điện tháng 9 năm 2026*).

2.3. Việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư năng lượng trên địa bàn; kết quả kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết tại địa phương.

- Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban ngành, địa phương liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh⁽²²⁾.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN (*khách quan, chủ quan*): Chưa phát sinh

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ban ngành, địa phương liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Phần VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71-NQ/TW NGÀY 22 tháng 8 năm 2025 CỦA BỘ CHÍNH

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- *Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai:* Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chính phủ ban hành Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày

⁽²¹⁾ Hiện có 03 dự án lưới truyền tải (lưới điện 220kV và 500kV) đang trong giai đoạn triển khai thi công; 15 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (trong đó có 05 dự án đã thực hiện xong thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, các dự án khác đang thỏa thuận hướng tuyến và lập đề xuất chủ trương đầu tư).

⁽²²⁾ Văn bản số 3038/SCT-NL ngày 02/6/2026 của Sở Công Thương về việc đôn đốc thực hiện và chuyển xử lý đề xuất/kiến nghị của các cơ quan, doanh nghiệp liên quan về thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ;

15/9/2025, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền nghiêm túc, kịp thời⁽²³⁾.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện:* Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh đã chủ động ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo để cụ thể hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW, bảo đảm triển khai thống nhất trong toàn tỉnh và toàn ngành⁽²⁴⁾. Đến nay, 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW, bước đầu gắn nhiệm vụ phát triển giáo dục với điều kiện thực tiễn địa phương, nhất là sắp xếp mạng lưới trường lớp, huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và phối hợp quản lý cơ sở giáo dục trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- *Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật:* HĐND tỉnh đã ban hành một số chính sách, trong đó có những cơ chế, chính sách đặc thù riêng của tỉnh⁽²⁵⁾: UBND tỉnh đã trình dự thảo 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh, để xem xét ban hành vào kỳ họp thường lệ giữa năm, gồm: (1) Quy định chế độ thưởng và khuyến khích tài năng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; (2) Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND về địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường, danh mục trang cấp đồ dùng cho học sinh trường dân tộc nội trú; Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND về quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh.

- *Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện:* Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát được triển khai thường xuyên, lồng ghép với kiểm tra nhiệm vụ năm học và các nhiệm vụ cụ thể hóa từ Nghị quyết số 71-NQ/TW. Tính đến tháng 6/2026, toàn ngành đã tổ chức 18 cuộc kiểm tra chuyên đề và 15 cuộc giám sát đối với 45 tổ chức, cơ sở giáo dục; nội dung tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, chuyển đổi số, xây dựng đội

⁽²³⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 14/9/2025, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 07-KH/ĐU ngày 15/9/2025 về tổ chức điểm cầu trực tuyến Hội nghị toàn quốc quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị. Sáng ngày 16/9/2025, tỉnh Ninh Bình đã mở 139 điểm cầu trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở với gần 20 nghìn cán bộ, đảng viên trực tiếp tham gia và gần 50 nghìn cán bộ, đảng viên dự Hội nghị qua sóng truyền hình VTV1.

⁽²⁴⁾ - Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW; Kế hoạch số 31-KH/ĐU ngày 26/11/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh triển khai Chương trình hành động số 11-CTr/TU; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP và Chương trình hành động số 11-CTr/TU.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 15/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 77-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU.

- Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 31/12/2025 về triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 29/01/2026 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 25/02/2026 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 26/02/2026 về ngăn chặn, đẩy lùi bạo lực học đường; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 11/3/2026 về hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 03/3/2026 thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2026; Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 phê duyệt Đề án xây dựng mô hình trường THCS điển hình tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045.

⁽²⁵⁾ Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 về chính sách khuyến khích học tập và hỗ trợ sinh hoạt phí đối với học sinh trường THPT chuyên tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định mức hỗ trợ đối với các trường đạt chuẩn quốc gia và công nhận lại giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở công lập.

ngữ, đầu tư cơ sở vật chất, an toàn trường học, kiểm định chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, ngoại ngữ và các điều kiện triển khai Chương trình GDPT 2018. Việc theo dõi, đôn đốc được hỗ trợ bởi hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; 100% cơ sở giáo dục kết nối dữ liệu, tạo thuận lợi cho quản lý trực tuyến, tổng hợp báo cáo, giám sát tiến độ thực hiện các chỉ tiêu và kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

- *Công tác sơ kết, tổng kết*: được lồng ghép trong hội nghị chuyên môn, hội nghị tổng kết năm học, báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề, qua đó làm rõ kết quả đạt được, các mô hình có thể nhân rộng, điểm nghẽn về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng số và cơ chế phối hợp trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Sau gần 01 năm triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW, các mục tiêu về nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế được triển khai quyết liệt, đạt được nhiều kết quả tích cực.

Các mục tiêu về đổi mới quản trị, triển khai Chương trình GDPT, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn, phát triển giáo dục STEM/STEAM, ngoại ngữ, năng lực số, chuyển đổi số và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục được triển khai đồng bộ, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong quản trị và tổ chức dạy học.

2. Chỉ tiêu

- Tổng số chỉ tiêu được giao theo dõi/đánh giá: 15 chỉ tiêu chiến lược (giai đoạn đến 2030); 02 chỉ tiêu (giai đoạn đến năm 2035) và 03 chỉ tiêu (giai đoạn đến năm 2045).

- Về tình hình thực hiện: Đối với 15 chỉ tiêu đến năm 2030, đã có 03 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, cụ thể gồm: (1) 100% xã, phường hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; (2) Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 91,93% (mục tiêu đề ra là từ 85%); (3) Giữ vững thành tích trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về giáo dục toàn diện.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Việc triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ được gắn chặt với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu xây dựng tỉnh Ninh Bình sau hợp nhất phát triển hiện đại, đồng bộ.

Công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục được triển khai thường xuyên; nhận thức của cán bộ, đảng viên, đội ngũ nhà giáo và Nhân dân về vai trò của giáo dục ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn.

Kết quả thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06 cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh, có 4/6 đơn vị đã thực hiện bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục⁽²⁶⁾; 02 đơn vị đã báo cáo cấp có thẩm quyền đề kiển toàn tổ chức cơ sở đảng và triển khai thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục theo quy định⁽²⁷⁾.

2. Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo

Ngành giáo dục và đào tạo đã phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương tham mưu ban hành và thực hiện nhiều văn bản về cơ chế, chính sách đặc thù theo chỉ đạo của Trung ương như việc triển khai miễn học phí cho trẻ mầm non 5 tuổi, học sinh phổ thông; hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng theo quy định; chính sách đối với giáo viên, học sinh trường THPT Dân tộc nội trú;...

Đồng thời, tham mưu nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh như: chính sách hỗ trợ trường công nhận đạt chuẩn quốc gia; chính sách khuyến khích học tập và hỗ trợ sinh hoạt phí đối với học sinh trường THPT chuyên; chính sách thưởng và khuyến khích tài năng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Đặc biệt, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nổi bật với chủ trương ưu tiên bố trí kinh phí vượt trội cho giáo dục của tỉnh với mức tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn so với mức quy định của Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới

Các cơ sở giáo dục tiếp tục triển khai hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, truyền thống lịch sử, văn hóa quê hương. Công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên được quan tâm.

Phong trào xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn - hạnh phúc được đẩy mạnh; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện

⁽²⁶⁾ Trường Đại học Hoa Lư, trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định, trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, trường Trung cấp Giao thông Vận tải Ninh Bình.

⁽²⁷⁾ Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ tỉnh Ninh Bình và trường Cao đẳng Y tế tỉnh Ninh Bình.

được chú trọng và có bước chuyển biến tích cực. Công tác tư vấn tâm lý học đường, phòng chống bạo lực học đường, chăm sóc sức khỏe học sinh được quan tâm thực hiện.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao học đường được duy trì thường xuyên; việc giáo dục thể chất, phát triển năng khiếu, thẩm mỹ cho học sinh được chú trọng, góp phần hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học. Đặc biệt, ngày 27/3/2026, đã tổ chức thành công Ngày hội đồng diễn võ nhạc Vovinam học sinh phổ thông tỉnh Ninh Bình với sự hưởng ứng tham gia của trên 700.000 học sinh của các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh; qua đó góp phần lan tỏa mạnh mẽ phong trào rèn luyện thể chất trong học đường, tăng cường tinh thần đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong thế hệ trẻ.

4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống dùng chung; bảo đảm dữ liệu đồng bộ, chính xác, kịp thời. 100% cơ sở giáo dục triển khai quản lý hồ sơ điện tử, sử dụng phần mềm quản trị nhà trường; đẩy mạnh học bạ số, thanh toán không dùng tiền mặt và chữ ký số trong quản lý, điều hành. Triển khai đăng ký dự thi, tra cứu điểm thi tuyển sinh lớp 10 trực tuyến; đăng ký dự thi, tra cứu điểm thi tốt nghiệp THPT và nguyện vọng xét tuyển đại học, cao đẳng trên dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai xây dựng kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi dùng chung; từng bước triển khai số hóa dữ liệu văn bản, chứng chỉ đã cấp theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã rà soát tổng thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành; thực hiện sắp xếp, bố trí, điều tiết phù hợp sau hợp nhất; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất trường học tiếp tục được quan tâm; tập trung xây dựng phòng học kiên cố, phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất; bổ sung thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT; nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia.

Triển khai kế hoạch sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập. Tính đến nay, tỉnh Ninh Bình có 68 xã, phường đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với 295 trường; sau sắp xếp giảm 150 trường (mầm non giảm 46 trường, tiểu học giảm 48 trường, THCS giảm 76 trường và tăng thêm 20 trường liên cấp tiểu học và

THCS). Đến tháng 5/2026, trên địa bàn tỉnh đã bố trí 61 cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp với tổng diện tích 234.901m² cho các cơ sở giáo dục.

Chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông tiếp tục được giữ vững; duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ huy động trẻ em từ 3-5 tuổi ra lớp đạt xấp xỉ 98%. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được củng cố, phát triển; chất lượng giáo dục mũi nhọn có bước đột phá⁽²⁸⁾.

6. Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thị trường lao động. Tính đến nay, toàn tỉnh có 23 trung tâm GDNN-GDTX trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (giảm 02 trung tâm); sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Hà Nam, Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch Ninh Bình vào Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định, đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ tỉnh Ninh Bình; sáp nhập Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định và Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định thành Trường Cao đẳng Sư phạm và Nghệ thuật tỉnh Ninh Bình trực thuộc UBND tỉnh.

Tỉnh tiếp tục chú trọng đầu tư cho 04 trường Cao đẳng chất lượng cao⁽²⁹⁾ và 21 cơ sở giáo dục nghề nghiệp được lựa chọn và đầu tư phát triển các ngành, nghề trọng điểm, trong đó gồm 14 trường Cao đẳng và 07 trường Trung cấp⁽³⁰⁾. Công tác liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp ngày càng chặt chẽ.

7. Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

Tỉnh quan tâm đầu tư, hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn; nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ; đơn đốc triển khai Đề án xây dựng Khu Đại học Nam Cao.

⁽²⁸⁾ Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2025-2026, tỉnh Ninh Bình đạt 238 giải (10 giải Nhất, 63 giải Nhì, 88 giải Ba và 77 giải Khuyến khích), tỷ lệ đạt giải 76,77%, xếp thứ 2 toàn quốc về tổng số lượng giải và xếp thứ 3/34 tỉnh, thành phố về số lượng giải Nhất; có 10 học sinh được chọn tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi quốc tế năm 2026; 03 học sinh đoạt Huy chương Bạc trong kỳ thi Olympic Châu Á - Thái Bình Dương; 02 học sinh được chọn tham dự Olympic Quốc tế năm 2026. Cuộc thi Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học năm học 2025-2026, tỉnh có 7/9 dự án đạt giải (01 giải Nhất, 04 giải Ba và 02 giải Tư); dự án đạt giải Nhất của học sinh trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy được đề xuất tham dự Hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế tại Hoa Kỳ năm 2026. Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp quốc gia năm 2026, 01 dự án của nhóm học sinh trường THPT B Nguyễn Khuyến đạt giải Ba. Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh học sinh THPT toàn quốc lần thứ IV, năm 2026, tỉnh Ninh Bình đạt 08 giải Đồng đội (03 giải Nhì, 03 giải Ba, 02 giải Khuyến khích); 04 giải Toàn năng (01 giải Nhì, 02 giải Ba, 01 giải Khuyến khích); 12 giải Cá nhân (02 giải Nhì, 03 giải Ba, 07 giải Khuyến khích); 01 giải Huân luyện viên xuất sắc; đạt Cờ giải Nhì toàn đoàn, xếp thứ 3/34 tỉnh, thành phố.

⁽²⁹⁾ Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình, Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ tỉnh Ninh Bình, Trường Cao đẳng nghề số 20

⁽³⁰⁾ Tổng có 77 ngành nghề, gồm: 16 nghề đầu tư đạt cấp độ quốc tế, 17 nghề đầu tư đạt cấp độ khu vực ASEAN và 44 nghề đầu tư đạt cấp độ quốc gia. Việc tập trung đầu tư này đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở GDNN mở rộng quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

Trường Đại học Hoa Lư được tỉnh đầu tư xây dựng 01 cơ sở đào tạo mới khang trang, hiện đại với diện tích là 17,1 ha, đã được khánh thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trường Đại học Hoa Lư tiếp tục cử giảng viên đi đào tạo trình độ Tiến sĩ nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, mở ngành đào tạo mới. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học có uy tín như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Vinh về trao đổi giảng viên có trình độ Tiến sĩ trong công tác đào tạo.

Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung các lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, quản trị, y tế, giáo dục; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của tỉnh và khu vực.

8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện đào tạo 27 lưu học sinh Lào/năm theo chương trình hợp tác với tỉnh U Đôm Xay. Duy trì chương trình trao đổi học sinh thường niên với thành phố Asan (Hàn Quốc) và Saiki (Nhật Bản). Các trường Cao đẳng, Trung cấp chủ động thiết lập quan hệ, tham gia các dự án quốc tế, cập nhật phương pháp đào tạo tiên tiến. Trường Đại học Hoa Lư tích cực hợp tác với Trường Đại học Hoseo (Hàn Quốc) để triển khai đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trên các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; làm việc và ký kết Biên bản ghi nhớ với Trường Đại học Rajabhat Udon Thani, Thái Lan mở ra cơ hội học tập, nghiên cứu và giao lưu quốc tế cho cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường.

9. Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể

- Số nhiệm vụ thường xuyên: 14 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 04 nhiệm vụ (100% hoàn thành đúng hạn);
- Số nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn: 38 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ sắp đến hạn (năm 2026): 15 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ đang tiến hành quá hạn: Không.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc

a) Về đội ngũ

Hiện nay, số giáo viên còn thiếu so với biên chế được tỉnh giao hằng năm là 2.437 người; thiếu so với định mức giáo viên/lớp của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho các tỉnh trong cả nước là 5.777 giáo viên. Giai đoạn 2027-2030,

giáo viên để đáp ứng số trường, số lớp tăng dần, cấp THPT cần bổ sung thêm khoảng 1.500 giáo viên.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Còn 155 cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm diện tích tối thiểu theo quy định, gồm 31 trường mầm non, 70 trường tiểu học, 43 trường THCS, 09 trường THPT và 02 trung tâm GDNN-GDTX; nhiều trường tại khu vực trung tâm chật hẹp, khu công nghiệp chưa có trường mầm non công lập cho con công nhân. Thiếu 99 phòng học mầm non công lập, 318 phòng học bán kiên cố; 34,6% nhóm/lớp dưới 5 tuổi chưa đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; thiết bị dạy học tối thiểu ở tiểu học và THCS mới đáp ứng dưới 50% yêu cầu. Còn 38 trường chưa đạt chuẩn quốc gia; 150 trường mới sáp nhập chưa được công nhận lại; khoảng 200 trường hết thời hạn công nhận nhưng chưa đủ điều kiện để kiểm tra công nhận lại. Năm học 2027-2028 dự kiến có khoảng 77.000 học sinh tốt nghiệp THCS, nếu giữ nguyên chỉ tiêu hiện nay thì tỷ lệ tuyển sinh lớp 10 THPT công lập chỉ đạt khoảng 55,8%. Để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục THPT vào năm 2035, với quy mô học sinh tăng thêm khoảng 40.000-50.000 em, tỉnh cần xây mới khoảng 30 trường THPT và cơ sở giáo dục tương đương (20 trường THPT, 15-20 điểm trường).

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Biên chế Trung ương giao thấp hơn định mức quy định của Bộ GDĐT; việc tuyển dụng giáo viên chưa được triển khai do triển khai chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục.

- Nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng CNTT còn hạn chế; đầu tư chưa đồng đều giữa các địa phương; cơ chế mua sắm dịch vụ số, thiết bị công nghệ, vật tư tiêu hao cho hoạt động STEM chưa thật sự thuận lợi.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tham mưu, bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên và phân công chuyên môn ở một số đơn vị còn chưa phù hợp, chưa tận dụng tối đa nhân sự hiện có. Công tác dự báo nhu cầu đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị ở một số nơi chưa theo kịp biến động quy mô; công tác thống kê, chuẩn hóa dữ liệu một số chỉ tiêu chưa được thiết lập đầy đủ ngay từ đầu.

- Xã hội hóa giáo dục chưa lan tỏa mạnh mẽ; công tác quản lý, sử dụng nguồn lực xã hội hóa tại một số nơi chưa thật chặt chẽ, hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 09-NQ/TU và các chương trình, kế hoạch của tỉnh thành nhiệm vụ hằng năm, có địa chỉ trách nhiệm, sản phẩm cụ thể, mốc tiến độ và chỉ số đánh giá rõ ràng.

- Thực hiện lượng hóa mục tiêu bằng hệ thống chỉ tiêu cụ thể, lấy dữ liệu số làm nền tảng phục vụ chỉ đạo, điều hành; tăng cường kiểm tra, giám sát định kỳ để xử lý kịp thời các điểm nghẽn về đội ngũ, cơ sở vật chất, chuyển đổi số, phổ cập và chất lượng giáo dục.

- Chủ động rà soát, cân đối, điều hòa biên chế nội bộ; triển khai kế hoạch tuyển dụng chỉ tiêu giáo viên đã được phê duyệt; gắn tuyển dụng với bố trí, sử dụng, bồi dưỡng giáo viên các môn còn thiếu.

- Tăng cường công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận xã hội đối với các chủ trương lớn như sắp xếp trường lớp, đổi mới Chương trình GDPT, chuyển đổi số, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai, phát triển STEM/STEAM và AI.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh như: chế độ thưởng và khuyến khích tài năng trong lĩnh vực giáo dục; chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, trẻ em mầm non và giáo viên mầm non tại địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động.

- Tích cực tham mưu ban hành và triển khai hiệu quả Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo giai đoạn 2026-2030; phấn đấu đến năm 2030, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ trên chuẩn đạt 33%, cơ bản bảo đảm đủ định mức giảng dạy các cấp học; Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2026-2035; ưu tiên bố trí trụ sở dôi dư sau sắp xếp cho việc xây dựng thêm trường THPT công lập và cho các cơ sở giáo dục hiện có để mở rộng không gian trường lớp học; bố trí kinh phí kiên cố hóa 100% phòng học, nâng diện tích bình quân trường học, ưu tiên đầu tư trường lớp ở nơi tăng dân số cơ học, khu công nghiệp, đô thị và địa bàn còn khó khăn.

- Tăng cường đầu tư ngân sách địa phương cho giáo dục và đào tạo, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục đạt tối thiểu 23% tổng chi ngân sách địa phương; huy động và quản lý hiệu quả nguồn lực xã hội hóa, khai thác cơ sở nhà, đất dôi dư cho giáo dục.

3. Về các nội dung khác

- Tích cực triển khai các giải pháp để đảm bảo hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2028; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục bắt buộc hết THCS; phấn đấu tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương tiếp tục duy trì trên mức mục tiêu của Nghị quyết.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn; giữ vững vị trí trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chất lượng thi tốt nghiệp THPT và nhóm dẫn đầu về học sinh giỏi quốc gia; phát triển mô hình trường THCS điển hình theo định hướng Phát hiện sớm - Bồi dưỡng liên thông - Ươm tạo tài năng, gắn với nâng cao năng lực 03 trường THPT chuyên.

- Xây dựng và triển khai Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; tăng cường giáo dục STEM/STEAM, AI, năng lực số, học liệu số; xây dựng và triển khai Đề án Giáo dục thông minh tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; hình thành ngân hàng câu hỏi dùng chung và các mô hình trường học số.

- Tiếp tục bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; quan tâm học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Nâng cao hiệu quả tư vấn hướng nghiệp, phân luồng sau THCS; tăng cường phối hợp giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp, gắn giáo dục với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Chỉ đạo nghiên cứu cơ chế đặc thù về biên chế cho các địa phương sau hợp nhất có quy mô giáo dục lớn, địa bàn rộng, nhu cầu tăng nhanh về trường lớp, giáo viên và hạ tầng số.

2. Đối với Đảng ủy Chính phủ: Chỉ đạo Chính phủ, Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan tham mưu bổ sung biên chế giáo viên cho các địa phương còn thiếu, nhất là trong bối cảnh tăng quy mô lớp học, dạy học 2 buổi/ngày, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và tiến tới phổ cập trung học phổ thông.

3. Đối với Đảng ủy Quốc hội: Quan tâm giám sát việc bố trí nguồn lực ngân sách, biên chế, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và hạ tầng số cho các địa phương có quy mô giáo dục lớn sau hợp nhất.

4. Đối với Tỉnh ủy

Chỉ đạo Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể và cấp ủy, chính quyền các xã, phường rà soát, quy hoạch quỹ đất, bố trí nguồn lực và xây dựng lộ trình phát triển mạng lưới trường THPT sau sáp nhập, bảo đảm cơ cấu trường, lớp đáp ứng quy mô học sinh tăng nhanh, mục tiêu phổ cập giáo dục THPT đến năm 2035 và Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ưu tiên xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp các trường THPT công lập ở địa bàn có áp lực tuyển sinh lớn; đồng bộ phòng học, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên, hạ tầng số và điều kiện dạy học 2 buổi/ngày, đáp ứng yêu

cầu nâng cao chất lượng giáo dục, công bằng tiếp cận và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Phần VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 72-NQ/TW NGÀY 09 tháng 9 năm 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- *Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai:* Ngay sau khi nghị quyết được ban hành Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu đề ra. Công tác học tập, quán triệt được triển khai thường xuyên, sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở, gắn với việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện:* Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện với tinh thần nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả, quyết liệt, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã. Ngành Y tế đã phát huy tốt vai trò cơ quan tham mưu, đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu giúp Tỉnh ủy, UBND ban hành Chương trình, Kế hoạch thực hiện: Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 12/11/2025 về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (*sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 12-CTr-TU của Tỉnh ủy*); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 31/12/2025 thực hiện Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Tỉnh ủy Ninh Bình về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 166/KH-UBND của UBND tỉnh*); đồng thời, chỉ đạo các xã, phường xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện trên địa bàn.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong ngành y tế: Thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 166/KH-UBND của UBND tỉnh, Sở Y tế đã ban hành kế hoạch thực hiện trong toàn ngành, phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ kết quả, rõ thời gian.

- *Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật:* Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngành Y tế đã chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng liên quan đến an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế và giá dịch vụ khám chữa bệnh, kịp thời đáp

ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương sau sáp nhập, góp phần bảo đảm quyền lợi của người dân³¹. Sau khi Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Tỉnh uỷ; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh được ban hành, nhiều giải pháp về cơ chế, chính sách đã được thể chế hoá. Theo đó, căn cứ tình hình và yêu cầu thực tế; các sở, ngành được giao nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu, tham mưu ban hành các chế độ, chính sách nhằm tạo hành lang, pháp lý thực hiện các giải pháp đột phá phát triển y tế³².

- *Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện:* Xác định công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hướng dẫn là công cụ quan trọng để bảo đảm các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của Bộ Chính trị, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh được triển khai nghiêm túc, thực chất, hiệu quả tại cơ sở. Do đó, công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra được triển khai thường xuyên, kịp thời nắm bắt tiến độ, các khó khăn, vướng mắc để giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Việc thực hiện các nhiệm vụ giao trên theodoinq.dcs.vn

Việc cập nhật tình hình thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị định kỳ hàng tháng được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định.

Kết quả thực hiện 10 nhiệm vụ giao trên theodoinq.dcs.vn đến thời điểm báo cáo như sau:

Tổng số nhiệm vụ: **10**, trong đó:

- + Số nhiệm vụ thường xuyên: **10**.
- + Số nhiệm vụ đã hoàn thành: **01**.
- + Đã hoàn thành đúng hạn: **01**.
- + Đã hoàn thành quá hạn: **0**.
- + Số nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn: **09**.
- + Số nhiệm vụ ổn định đúng hạn: **09**.
- + Số nhiệm vụ sắp đến hạn: **0**.
- + Số nhiệm vụ đang tiến hành quá hạn: **0**.

2. Việc thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp nổi bật

- *Nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực y tế:* Xác định chuyển đổi số là động

³¹ 11 Nghị quyết chuyên đề về an sinh xã hội, bảo trợ xã hội và quy định giá dịch vụ khám chữa bệnh phù hợp với thực tế tỉnh mới sáp nhập, đặc biệt là Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND về hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân dân.

³² Sở Y tế đang tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2026 -2030, trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Các chính sách khác sau khi có hướng dẫn của Trung ương sẽ triển khai thực hiện đúng quy định.

lực then chốt để hiện đại hóa ngành Y tế sau sáp nhập, ngành y tế đã tập trung chỉ đạo, triển khai xây dựng hệ sinh thái y tế thông minh trên nền tảng ba trụ cột gồm hạ tầng số, dữ liệu số và quản trị số.

Về xây dựng hạ tầng số và quản trị hành chính điện tử: ngành Y tế đã triển khai lộ trình nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ, hệ thống máy chủ và kết nối dữ liệu tại các đơn vị trực thuộc; đến nay, khoảng 90% đơn vị đã được đầu tư nâng cấp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu băng thông lớn và vận hành các phần mềm chuyên ngành hiện đại. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ thông tin vẫn là điểm nghẽn cần tiếp tục tháo gỡ khi trên 60% thiết bị tại các cơ sở y tế đã lạc hậu do được đầu tư trước năm 2021, gây áp lực đối với bảo mật, an toàn thông tin và triển khai các nền tảng số thế hệ mới.

Việc xây dựng và liên thông cơ sở dữ liệu y tế: được đẩy mạnh, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công. Trong lĩnh vực khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, 100% cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn đã thực hiện tiếp đón người bệnh bằng căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế giấy; đồng thời 100% dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được liên thông lên Hệ thống Giám định của cơ quan Bảo hiểm xã hội và đồng bộ với Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, tạo thuận lợi cho người dân khi tiếp cận dịch vụ y tế. Thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, ngành y tế đã hoàn thành kết nối dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe điện tử, giấy chứng sinh và chứng tử điện tử lên cổng dữ liệu quốc gia, phục vụ hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đối với hồ sơ sức khỏe điện tử, ngành đang triển khai quyết liệt việc lập hồ sơ cho từng người dân; đến hết Quý II/2026, đã tạo lập được **2.019.974** sổ sức khỏe điện tử trên tổng số **4.346.259** người dân thường trú trên địa bàn tỉnh (đạt **46,48%**), tạo nền tảng quan trọng cho quản lý sức khỏe liên tục, chủ động và trọn đời.

Phát triển phần mềm quản lý chuyên ngành và y tế thông minh: Việc ứng dụng phần mềm quản lý chuyên ngành được mở rộng toàn diện, tạo bước chuyển mạnh từ quản lý truyền thống sang quản trị thông minh. Nổi bật nhất là triển khai bệnh án điện tử, dấu ấn tiêu biểu của ngành y tế sau sắp xếp. Đến nay, đã có 42/44 cơ sở y tế công lập có giường bệnh chính thức công bố áp dụng bệnh án điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy, đạt tỷ lệ 95,5%, đưa Y tế trở thành một trong những lĩnh vực đi đầu về chuyển đổi số tại địa phương.

Song song với đó, 100% bệnh viện đã triển khai đồng bộ các hệ thống phần mềm cốt lõi như quản lý bệnh viện (HIS), quản lý xét nghiệm (LIS) và quản lý chẩn đoán hình ảnh (RIS-PACS), giúp liên thông quy trình khám chữa bệnh, giảm sai sót chuyên môn và nâng cao hiệu quả quản trị; 100% cơ sở y tế có giường bệnh đã phối hợp với các ngân hàng triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt thông qua mã QR và ví điện tử, góp phần tăng tính công

khai, minh bạch và giảm thời gian chờ đợi của người bệnh. Hoạt động khám chữa bệnh từ xa tiếp tục được duy trì và mở rộng, kết nối hiệu quả giữa tuyến tỉnh với Trung ương và y tế cơ sở; nhiều kỹ thuật chuyên sâu đã được chuyển giao thành công thông qua Telehealth, góp phần xử trí kịp thời các ca bệnh nặng, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ y tế tại chỗ.

- *Nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí*: Ngay từ đầu năm 2026, Sở Y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế tăng cường triển khai các hoạt động khám sàng lọc, khám định kỳ phát hiện, quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến, khám sức khỏe miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh; sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2026 triển khai kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh, Sở Y tế đã xây dựng kế hoạch của ngành Y tế để triển khai thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện tại địa phương; khẩn trương đẩy nhanh tiến độ triển khai các hoạt động trong kế hoạch, mở đầu bằng Lễ ra quân khám sức khỏe định kỳ/khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn xã Phú Long, tỉnh Ninh Bình vào ngày 30/5/2026. Kết quả đến 16/6/2026, đã thực hiện khám cho **346.412 đối tượng (đạt 36,34%)** theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 69, Nghị định 165/2026/NĐ-CP³³ ngày 15/5/2026 của Chính phủ. Dự kiến đến 30/6, sẽ khám được tối thiểu 50% đối tượng, đạt 466.544 người.

- *Nhiệm vụ phát triển y tế chuyên sâu*: Ngành Y tế đã tiến hành rà soát, khảo sát thực trạng, nhu cầu của các cơ sở y tế, trên cơ sở đó, định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật phù hợp tại từng đơn vị trong giai đoạn 2026-2030, ban hành kế hoạch, giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, trong đó: tập trung phát triển 03 đơn vị y tế đạt cấp chuyên sâu gồm: Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình, Bệnh viện đa khoa Nam Định và Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình.

- *Nhiệm vụ củng cố năng lực y tế cơ sở*: Sở Y tế đã tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân ban hành văn bản chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực y tế xã, huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định³⁴.

Việc nâng cao năng lực cho tuyến xã được chú trọng, quan tâm. Từ ngày 15/01/2026, sau khi tổ chức lại 18 Trung tâm Y tế và giải thể 04 Trung tâm Y tế, Sở Y tế đã điều động 554 viên chức của các đơn vị này về tăng cường cho các Trạm Y tế xã, phường; đồng thời, lồng ghép nhiệm vụ luân phiên bác sĩ về công tác tại xã, phường vào Kế hoạch chỉ đạo tuyến toàn ngành Y tế; tổ chức 25 lớp

³³ Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu và không thuộc quy định tại các điểm b, c và d khoản này

³⁴ Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 31/12/2025; Kế hoạch số 76 -KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh.

tập huấn cho cán bộ tại trạm y tế, phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND cấp xã về các lĩnh vực: khám chữa bệnh, y tế dự phòng, thiết bị y tế, đầu thầu thuốc, bảo trợ xã hội, an toàn thực phẩm,... để kịp thời trang bị, cập nhật các quy định, hướng dẫn chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Theo báo cáo của các xã phường, có 118/129 Trạm Y tế xã phường đã được thực hiện đầy đủ chức năng của Trạm Y tế theo Thông tư 43/2025/TT-BYT (chiếm 91,5%); 100% xã, phường đã thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đáp ứng cơ bản thuốc phục vụ nhân dân.

- Việc thực hiện nhiệm vụ giao theo Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh:

+ Tổng số nhiệm vụ chủ yếu: 44, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 05

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện: 34

+ Số nhiệm vụ chưa thực hiện: 05.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

- Một số nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình chưa được triển khai do chưa có văn bản hướng dẫn, triển khai của các Bộ, ngành, Chính phủ hoặc các Cục, Vụ, Viện Trung ương: *Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao, không gian công cộng phục vụ rèn luyện sức khỏe cho Nhân dân (Bộ Văn hóa và Thể thao chủ trì)*; chính sách miễn viện phí, trước hết là đối với đối tượng chính sách xã hội, người yếu thế, người có thu nhập thấp và một số đối tượng cần ưu tiên khác trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình của Chính phủ (**Bộ Y tế chủ trì**); chính sách thí điểm chi trả Bảo hiểm y tế cho một số dịch vụ phòng bệnh, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh và đối tượng ưu tiên theo lộ trình của Chính phủ (**Bộ Y tế chủ trì**); Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh xử lý, cho thuê nhà đất công đôi dư sau sắp xếp (**Chính phủ**); chính sách cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đôi dư sau sắp xếp đối với cơ sở y tế tư nhân theo quy định (**Bộ Tài chính chủ trì**)...;

- Một số chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết 72-NQ/TW như: “Số năm sống khỏe mạnh”, “chiều cao trung bình của thanh niên từ 1-18 tuổi” là chỉ tiêu mới trong giai đoạn 2026-2030, không thuộc hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chưa có hướng dẫn triển khai đánh giá của Bộ Y tế.

- Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đội ngũ cán bộ ở cấp tỉnh, cấp xã có sự thay đổi, biến động; một phần không nhỏ cán bộ mới tiếp nhận nhiệm vụ nên kinh nghiệm tham mưu, triển khai còn hạn chế; cán bộ phụ trách văn hóa – xã hội của xã, phường (gồm lĩnh vực y tế) phải kiêm nhiệm

nhiều nhiệm vụ; trong khi đó, khối lượng công việc lớn, thời hạn giải quyết ngắn dẫn đến chất lượng và tiến độ triển khai một số nhiệm vụ chưa đáp ứng yêu cầu.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Bám sát chương trình, kế hoạch của tỉnh, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra tại Chương trình hành động số 12-CTr-TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 166/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Bám sát các chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương để chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai các đề án, kế hoạch, chính sách đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, của ngành y tế.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện báo cáo tiến độ định kỳ trên hệ thống theo dõi báo cáo của Bộ Chính trị.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết 72-NQ/TW trên địa bàn, đặc biệt các chính sách tạo đột phá cho công tác y tế theo Nghị quyết số 261/2025/QH15.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình ban hành đối với Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2026 -2030, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Rà soát, tham mưu chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng để tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của các nhóm đối tượng.

3. Về các nội dung khác

Tiếp tục triển khai hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 12-CTr-TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 166/KH-UBND của UBND tỉnh, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ mang tính chất nền tảng, then chốt, một số nhiệm vụ trọng tâm được Trung ương quan tâm chỉ đạo:

- Tăng cường đầu tư, hiện đại hoá cơ sở vật chất, thiết bị y tế, hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế đáp ứng yêu cầu, tạo đột phá phát triển y tế trong giai đoạn tới.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu nhân lực y tế; trong đó chú trọng đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực đồng bộ cho trạm y tế xã, từng bước đáp ứng yêu cầu, đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Y tế.

- Tập trung triển khai triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho nhân dân trên địa bàn tỉnh từ năm 2026 theo Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu y tế đảm bảo tiêu chuẩn kết nối, liên thông và đồng bộ; đẩy mạnh triển khai bệnh án điện tử, xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân.

- Tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phát triển y tế chuyên sâu, phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 01 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu.

- Thành lập bệnh viện lão khoa và khoa lão tại các bệnh viện đa khoa phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân.

- Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm, triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hoá dân số.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 282/NQ-CP; Nghị quyết số 261/2025/QH15; Quyết định số 388/QĐ-TTg làm cơ sở triển khai thực hiện tại địa phương.

- Đề nghị Bộ Y tế sớm nghiên cứu, hướng dẫn triển khai đánh giá một số⁽³⁵⁾ chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết 72-NQ/TW để địa phương triển khai thực hiện.

Phần VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW NGÀY 06 THÁNG 01 NĂM 2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai: Thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 79-NQ/TW); Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình đã tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước tới các đảng ủy cơ

⁽³⁵⁾ “Số năm sống khỏe mạnh”, “chiều cao trung bình của thanh niên từ 1-18 tuổi”

sở, cơ quan, đơn vị và địa phương. Sau khi được quán triệt, cấp ủy, chính quyền cấp xã đã chủ động xây dựng kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 29/NQ-CP.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện:* Ngày 10/4/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch hành động số 49-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW; Đảng ủy UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 70-KH/ĐU ngày 11/5/2026 thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW; UBND Tỉnh Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 31/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79- NQ/TW; quán triệt, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, thời gian thực hiện và hoàn thành các các nhiệm vụ đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra; thường xuyên báo cáo, cập nhật tình hình phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn.

- *Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật:* Tỉnh đã chỉ đạo rà soát, ban hành và tham mưu ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền nhằm cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế nhà nước, tháo gỡ điểm nghẽn trong quản lý đất đai, tài nguyên, ngân sách, đầu tư công, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Một số kết quả nổi bật gồm: ban hành Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 về phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh; các quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực điều tra, đánh giá đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai; Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

- *Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện:* Các cấp ủy chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cụ thể hóa nội dung nghị quyết bằng các đề án, kế hoạch theo từng lĩnh vực. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trực tiếp chủ trì thảo luận, hoàn thiện chương trình hành động, kế hoạch thực hiện và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính khả thi trong tổ chức thực hiện. UBND tỉnh đồng thời chỉ đạo các sở, ngành thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

- *Công tác sơ kết, tổng kết:* Việc sơ kết, tổng kết bước đầu được thực hiện thông qua chế độ theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Trung ương; đồng thời lồng ghép trong công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương. Qua theo dõi, các nhiệm vụ trọng tâm

đã được triển khai đồng bộ; một số nội dung cần tiếp tục rà soát, cập nhật do bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu sắp xếp, đổi mới khu vực kinh tế nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Các mục tiêu về phát triển kinh tế nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập đã được tinh cụ thể hóa thành các nhóm nhiệm vụ trong Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh. Việc triển khai bước đầu tập trung vào hoàn thiện thể chế, phân cấp quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên, tài sản kết cấu hạ tầng; cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chỉ tiêu

Một số chỉ tiêu, số liệu minh chứng kết quả triển khai đến thời điểm báo cáo như sau:

Lĩnh vực	Kết quả, số liệu chủ yếu
Đất đai - đo đạc, bản đồ	100% dự án đo đạc địa chính cũ đã hoàn thành chuyển chủ đầu tư; 36/49 xã, phường đủ điều kiện được đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí với tổng số tiền 194,4 tỷ đồng - Đã xây dựng CSDL cho 1.665.743 thửa đất. - Số thửa đảm bảo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” là 927.461 thửa
Môi trường	Thẩm định, trình phê duyệt 28 báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường (cấp đổi, cấp lại, cấp điều chỉnh) cho 94 dự án/cơ sở; tổ chức kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của 86 cơ sở/dự án.
Đầu tư công	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách địa phương là 289.992,87 tỷ đồng, gồm vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung 29.144 tỷ đồng; thu tiền cấp quyền sử dụng đất 258.230,87 tỷ đồng; xổ số

Lĩnh vực	Kết quả, số liệu chủ yếu
	kiến thiết 800 tỷ đồng; bội chi ngân sách địa phương 1.818 tỷ đồng.
Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	10 quỹ đã thực hiện xong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong năm 2025; 06 tháng đầu năm 2026 tiếp tục xây dựng đề án sắp xếp đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và Quỹ Phòng, chống tội phạm.
Tín dụng - ngân hàng	Đến cuối tháng 5/2026, huy động vốn đạt 344.717 tỷ đồng, tăng 1,72% so với cuối năm 2025 và tăng 9,82 % so với cùng kỳ năm 2025. Dư nợ tín dụng đạt 432.907 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cuối năm 2025 và tăng 20,06% so với cùng kỳ năm 2025. Nợ xấu là 2.447 tỷ đồng, chiếm 0,57% tổng dư nợ.
Đơn vị sự nghiệp công lập	Đến hết năm 2025, có 1.847 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: 04 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 69 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 246 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 1.528 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Kết quả bước đầu việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết như sau:

1. Đối với đất đai và tài nguyên

1.1. Lĩnh vực đất đai

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định, cơ chế chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện thuộc lĩnh vực đất đai: Quyết định quy định về trình tự, thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Ban hành Kế hoạch, danh mục các khu đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; phê duyệt dự án xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và phê duyệt Dự án xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; bổ sung Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình...

Tham mưu UBND tỉnh về nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất... cho các công ty để thực hiện các dự án; nghị thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính thu tiền thuê đất một lần; thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất;

- Phối hợp UBND các xã, phường thực hiện rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn khi tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung (*trong đó tập trung vào các tình huống, trường hợp phát sinh trong thực tiễn nhưng pháp luật về đất đai chưa có quy định cụ thể, gây khó khăn, ách tắc trong công tác GPMB*): Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định một số chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Quyết định 190/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

1.2. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám

- 100% dự án đo đạc địa chính cũ đã hoàn thành chuyển chủ đầu tư; 36/49 xã, phường đủ điều kiện được đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí với tổng số tiền 194,4 tỷ đồng (theo các Quyết định số: 1650/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; 1853/QĐ-UBND ngày 22/5/2026). Công tác đo đạc ngoại nghiệp bản đồ cơ bản hoàn thành tại các địa phương (49/49 xã phường). Đối với các dự án đo đạc mới, nhiều xã đã trình thẩm định thiết kế kỹ thuật (34/66 xã phường) và phê duyệt chủ trương đầu tư (54/66 xã phường ban hành quyết định).

Kết quả thực hiện lũy kế tính đến ngày 18/6/2026- Đã xây dựng CSDL cho 1.665.743 thửa đất (tăng 175.711 thửa so với thời điểm 01/4/2026); so với chỉ tiêu được giao (1.443.705 thửa) đạt 12,2%.

- Số thửa đảm bảo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” là 927.461 thửa (tăng 177.314 thửa so với thời điểm 01/4/2026); so với chỉ tiêu được giao (744.827 thửa) đạt 23,8%.

1.3. Lĩnh vực Bảo vệ môi trường

- Tỉnh đã ban hành văn bản: Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/2/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 về việc ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; tham mưu dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 ban hành quy định mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh (lĩnh vực môi trường); tham mưu Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh về quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; Kế hoạch ứng phó với sự cố chất thải giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí;...

- Thẩm định, trình phê duyệt 28 báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường (cấp đổi, cấp lại, cấp điều chỉnh) cho 94 dự án/cơ sở; tổ chức kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của 86 cơ sở/dự án. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản và đất đai; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục triển khai công tác quản lý chất thải; chương trình quan trắc môi trường toàn tỉnh và tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh, góp phần theo dõi, đánh giá hiện trạng môi trường và phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường.

1.4. Lĩnh vực khoáng sản

UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò³⁶, giấy phép khai thác khoáng sản³⁷; các Quyết định công nhận các kết quả thăm dò khai thác khoáng sản³⁸; công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quản lý tài nguyên khoáng sản, hoàn thiện cơ chế chính sách góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ 04 quyết định quy phạm pháp luật lĩnh vực khoáng sản (*Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018; số 55/2024/QĐ-UBND ngày 19/8/2024; số 12/2017/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 và Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 18/2/2016*).

- Trình UBND tỉnh 02 dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật (*Quyết định bãi bỏ Quyết định 106/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh*;

³⁶ Giấy phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH KTĐ Xuân Tùng; Giấy phép thăm dò khoáng sản mỏ đá Đồng Giao - Cty TNHH Âu Lạc; Giấy phép thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi T3, T4 núi Ông Cù (phần xuống sâu), phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình của Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng số 12- Hà Nam; Giấy phép thăm dò khoáng sản (Công ty TNHH KTĐ Trường Sơn) Núi Thung Điền bà Oanh, xã Tân Thanh)

³⁷ Giấy phép khai thác khoáng sản (Gia hạn) cho Công ty TNHH Thái Sơn được tiếp tục khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Diêm, phường Lý Thường Kiệt; Giấy phép khai thác khoáng sản (Gia hạn) cho Công ty cổ phần khai khoáng Minh Đức.6 được tiếp tục khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Diêm; Giấy phép khai thác khoáng sản (Gia hạn) cho Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng nhà Hà Nội số 28 được tiếp tục khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Thung Gao, phường Nguyễn Úy; Giấy phép khai thác khoáng sản (Gia hạn) cho Công ty TNHH Đức Nam được tiếp tục khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Quên Cây Chanh, phường Nguyễn Úy; Giấy phép khai thác khoáng sản (Gia hạn) cho Công ty TNHH Đồng Sơn khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ núi Thung Gao, xã Tân Sơn và xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình); Giấy phép khai thác khoáng sản (khu vực đồi Rào, làng Quỳnh - Cty CP gốm xây dựng Quỳnh Lưu); Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi cuối Hồ Trứng, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình của Công ty cổ phần tư vấn và thương mại HD; điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản - Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng; Công ty Cổ phần Châu Giang; mỏ phía Đông Bắc núi Thung Chuông;

³⁸ Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản tại: mỏ đá vôi tại khu vực núi Mán Đốc và núi Tròn, xã Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình; mỏ cát lòng sông Hồng tại khu vực NT.6.1, xã Nhân Hà, tỉnh Ninh Bình; mỏ cát lòng sông Hồng tại khu vực NT.6.2, xã Nhân Hà và xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình).

Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về Địa chất và Khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình).

Bên cạnh các kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản còn một số tồn tại như: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành 05 Thông báo Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 05 mỏ, tuy nhiên sản lượng khoáng sản để thực hiện quyết toán chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, dẫn đến việc Sở Nông nghiệp và Môi trường phải ban hành văn bản thu hồi các văn bản nêu trên (*mỏ đá vôi Liên Sơn phường Lý Thường Kiệt và mỏ đá sét Ba Sao, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, (nay là phường Lý Thường Kiệt, phường Tam Chúc) của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn; mỏ Đá Vôi Hang nước II, Q Sơn, TXTĐ của Cty TNHH Xi Măng Vicem Tam Điệp; Mỏ T46, núi Hải Phú, Thanh Hải, Thanh Liêm, Hà Nam của Công ty TNHH Thành Thắng; mỏ đồi Ba Mào, xã Yên Sơn, thị xã Tam Điệp (cũ) của Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Thành Đạt*).

1.5. Lĩnh vực Biển và Biến đổi khí hậu

Đề xuất UBND tỉnh triển khai xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; từng bước thực hiện điều tra cơ bản, thống kê tài nguyên biển phục vụ xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển. Đồng thời, đang tham mưu triển khai nhiệm vụ xây dựng Hệ thống trí tuệ nhân tạo phục vụ cảnh báo thiên tai và bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Bình nhằm nâng cao năng lực giám sát, dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND tỉnh xem xét chủ trương thực hiện các nhiệm vụ: “Lập Kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Ninh Bình” và “Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Bình”. Đây là các nhiệm vụ quan trọng nhằm hiện đại hóa công tác quan trắc, thu thập, quản lý, chia sẻ dữ liệu khí tượng thủy văn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

1.6. Rà soát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc lĩnh vực quản lý:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: Kiện toàn bộ máy tổ chức của Quỹ và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của Quỹ, nâng cao hiệu quả quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trong lĩnh vực lâm nghiệp. Duy trì thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính; thực hiện rà soát, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi

số trong quản lý hồ sơ, cơ sở dữ liệu và công tác theo dõi, giám sát các nguồn thu, chi của Quỹ.

- Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình: Kien toàn bộ máy tổ chức của Quỹ và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của Quỹ theo các Quyết định³⁹. Duy trì hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định;...Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

2.1. Công tác quy hoạch-kiến trúc

Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Rà soát, lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh: hiện tại Sở Xây dựng đã thẩm định xong dự toán lập nhiệm vụ quy hoạch cho 74/77 quy hoạch chung đô thị và nông thôn; Đôn đốc các đơn vị để hoàn thành thẩm định, phê duyệt trong tháng 6 năm 2026. Dự kiến hoàn thiện Đồ án trình UBND tỉnh phê duyệt trong tháng 12/2026.

Trình UBND tỉnh phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động lập Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2026 (đợt 1).

Hoàn thiện nhiệm vụ và báo cáo UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ theo quy định đối với hồ sơ Quy hoạch phân khu khu vực đô thị hai bên sông Đáy (đoạn từ cầu vượt QL37C đến cầu vượt cao tốc Bắc - Nam CT01); Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới phía Bắc Quốc lộ 10, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc xã Kim Sơn và xã Quang Thiện, tỉnh Ninh Bình).

2.2. Về đầu tư các dự án giao thông trọng điểm, cảng biển, sân bay

Tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, vận tải phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên hoàn thiện hạ tầng khung, xây dựng một số tuyến đường, cầu mới (*đặc biệt là các trục động lực có tính chất liên kết vùng, mở rộng không gian*) tạo động lực phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng đồng thời gắn liền với bảo trì, quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cũng như quản lý, phát triển vận tải góp phần và giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông⁴⁰.

³⁹ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 44/2026/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình.

⁴⁰ Cụ thể:

Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng bến bãi và các công trình giao thông phục vụ nhu cầu lưu trữ, trung chuyển hàng hóa, hành khách trong tỉnh và liên vùng.

Đề xuất Bộ Xây dựng bổ sung quy hoạch cảng biển nước sâu của tỉnh⁴¹. Rà soát, nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể Dự án đầu tư Cảng biển khu vực Khu kinh tế Ninh Cơ. Tiếp tục tham mưu Đề án nghiên cứu, phát triển Bến cảng hành khách tại Cồn Nổi.

Hoàn thiện Đề án Nghiên cứu khả năng hình thành Cảng hàng không Quốc tế Ninh Bình sau khi có ý kiến góp ý của các Bộ, ban, ngành, đơn vị liên quan để báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Về công tác phát triển đô thị

Tập trung tham mưu UBND tỉnh xây dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, dự kiến hoàn thành, trình phê duyệt trong tháng 7/2026; Nghiên cứu triển khai tổ chức lập Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Ninh Bình đến năm 2030.

Đã xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030 và có Văn bản số 4095/SXD-QLN&TTBĐS ngày 08/5/2026 gửi các chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội về việc xin ý kiến và đăng chỉ tiêu hoàn thành NOXH phục vụ lập kế hoạch phát triển nhà ở xã hội của tỉnh. Dự kiến trình UBND tỉnh phê duyệt *trong tháng 6 năm 2026*.

2.4. Về khai thác hạ tầng, vật liệu xây dựng

Chủ trì, phối hợp UBND phường Trường Thi, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 tỉnh Ninh Bình hoàn thành việc đóng đường ngang cũ tại Km93+893 và đưa đường ngang mới Km94+250 thuộc tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh thuộc Dự án: Xây dựng Tuyến lộ 485B, đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B vào khai thác sử dụng. Chủ trì công tác bàn giao hệ thống cây xanh trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh về cho UBND xã, phường để tổ

- *Đường bộ*: Phối hợp với các cơ quan trung ương, địa phương lân cận nghiên cứu đề xuất, đầu tư các tuyến đường mới theo quy hoạch được phê duyệt, đặc biệt là mở rộng cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình (CT.01), đầu tư các tuyến đường Vành đai 5 (CT.39) và cao tốc Phủ Lý (Hà Nam) - Nam Định (CT.11). Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Ninh Bình.

- *Đường sắt*: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc-Nam đoạn qua địa bàn tỉnh; tham mưu triển khai dự án tuyến đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh theo quy hoạch được duyệt.

- *Đường thủy nội địa, cảng biển*: Tích cực tham mưu đầu tư xây dựng các cảng bến thủy nội địa, cảng biển theo quy hoạch trên địa bàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cấp, cải tạo, nạo vét luồng lạch, duy trì hoạt động hệ thống sông địa phương đạt từ cấp 5 trở lên.

⁴¹ Đã được bổ sung vào quy hoạch tại Quyết định số 307/QĐ-BXD ngày 04/3/2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

chức quản lý, bảo trì theo Quyết định số 184/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh.

Sở Xây dựng đã chủ động phối hợp với Sở Tài chính, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án Xử lý, khắc phục các điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 bãi bỏ Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ) ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; báo cáo đề xuất sửa đổi Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND; trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thu phí điện tử không dừng tại bến xe, bãi đỗ xe giai đoạn 2026-2030.

Tham mưu báo cáo UBND tỉnh triển khai tăng cường các giải pháp quản lý, bình ổn giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng định kỳ hàng tháng trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

3.1. Đối với ngân sách nhà nước

Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương. Nghị quyết phù hợp với cơ chế phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương trên cơ sở Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đảm bảo sự chủ động, sáng tạo và tạo động lực cho cấp xã; chi thường xuyên thực hiện phân cấp tối đa cho ngân sách cấp xã theo quy định.

Về kênh huy động vốn cho ngân sách: Hiện nay các kênh huy động vốn cho ngân sách địa phương gồm: Vay lại vốn vay nước ngoài; Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; Vay ngân quỹ nhà nước; Vay các quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh; Vay tổ chức tài chính, tín dụng và Vay khác. Tại tỉnh Ninh Bình hiện nay chỉ có một hình thức là Vay lại Chính phủ từ nguồn vốn vay nước ngoài. Trong thời gian tới, căn cứ nhu cầu về nguồn vốn và tình hình triển khai thực hiện các dự án, tỉnh sẽ xem xét để đa dạng kênh huy động vốn cho ngân sách địa phương.

Về công tác công khai, minh bạch thông tin nợ công: Số liệu thông tin nợ công được thực hiện công khai, minh bạch định kỳ hàng năm cùng với số liệu về dự toán và số liệu quyết toán trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

Về xây dựng kế hoạch vay và trả nợ công: Kế hoạch vay hằng năm và giai đoạn đều đảm bảo trong hạn mức tín dụng được giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Kế hoạch trả nợ công được cân đối trong Kế hoạch Đầu tư công trung hạn, do đó nguồn trả nợ hàng năm luôn đảm bảo đầy đủ và đúng hạn.

Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách địa phương; trong đó:

a, Về công tác phân bổ:

Cân đối bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết; ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã.

Bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả; thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền; phải quan tâm để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ven biển, vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương trong tỉnh.

Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án quan trọng quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh; dự án có quy mô lớn, hạ tầng giao thông chiến lược có tính chất liên vùng, liên tỉnh, mở rộng không gian, có tác động lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; các dự án triển hệ thống hạ tầng logistics, cảng biển, khu kinh tế ven biển đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ và các khu công nghiệp; các dự án thuộc các đề án của các ngành, lĩnh vực chuyên đề (như y tế, giáo dục, giao thông, văn hóa, khoa học công nghệ sáng tạo chuyển đổi số...); các dự án đầu tư nhà ở xã hội; dự án tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Các dự án thực hiện để tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dự án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đào tạo nhân lực chất lượng cao; dự án thúc đẩy công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một động lực kinh tế của tỉnh và sức mạnh mềm quốc gia; các dự án tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn, xã hội.

Trong đó, tập trung nguồn lực để sớm hoàn thành tuyến đường bộ ven biển, các tuyến đường kết nối 03 đô thị trung tâm Phủ Lý - Hoa Lư - Nam Định, các vùng động lực kinh tế của tỉnh với các tuyến đường quốc gia; chuẩn bị tốt các điều kiện về mặt bằng để triển khai, thi công tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh, cảng hàng không ngay sau khi được cơ

quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo vốn để hoàn thiện, hoàn thành tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (hoàn thiện theo quy mô bổ sung Nút giao Mai Sơn, đường gom dân sinh, nút giao Khánh Dương); đầu tư xây dựng Khu đại học Nam Cao, xây dựng Trường Đại học Hoa Lư là cơ sở giáo dục trọng điểm của tỉnh.

b, Về nguồn kinh phí:

Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn ngân sách địa phương là 289.992,87 tỷ đồng, gồm:

- Vốn đầu tư XDCB tập trung: 29.144 tỷ đồng;
- Tiền thu cấp quyền sử dụng đất: 258.230,87 tỷ đồng;
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 800 tỷ đồng;
- Bội chi ngân sách địa phương: 1.818 tỷ đồng.

3.2. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Tỉnh tập trung triển khai Đề án số 18/ĐA-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh, theo đó, các đơn vị được giao quản lý, sử dụng Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (TCNNNS) đã rà soát, xây dựng đề án sắp xếp quỹ TCNNNS đảm bảo chỉ thành lập quỹ khi thực sự cần thiết, không trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực với các quỹ đã có hoặc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, đánh giá kỹ lưỡng hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến mang lại, xác định rõ mục tiêu, phạm vi hoạt động của quỹ để tránh chồng chéo, phân tán nguồn lực. Đến nay, đã có 10 Quỹ thực hiện xong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong năm 2025 (gồm: Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ phát triển đất; Quỹ Bảo vệ Môi trường; Quỹ Hỗ trợ nông dân; Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Ninh Bình; Quỹ quay vòng hỗ trợ phụ nữ tỉnh Ninh Bình; Quỹ An sinh xã hội; Quỹ cứu trợ; Quỹ Phòng chống thiên tai; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; 06 tháng đầu năm 2026, các Cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ đang tiếp tục xây dựng đề án sắp xếp các Quỹ còn lại theo quy định (gồm: Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Quỹ Phòng, chống tội phạm).

Các Quỹ tiếp tục rà soát, ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan để tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý, tạo sự đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch trong cơ chế quản lý, vận hành quỹ; Huy động đầy đủ, kịp thời các nguồn thu theo quy định; các khoản chi đúng mục tiêu, đối tượng theo quy định của từng quỹ. Hoạt động của các Quỹ đã góp phần thúc đẩy xã hội hóa, huy động thêm được nguồn tài chính trong xã hội và cùng với ngân sách nhà nước thực hiện tốt hơn các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh không có các quỹ trùng lặp, hoạt động kém hiệu quả. Đồng thời, thực hiện nghiêm việc không thành lập mới quỹ

tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Trung ương và tình hình thực tế địa phương.

3.3. Đối với vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống:

Đến thời điểm hiện tại, trên cơ sở tham mưu đề xuất của Sở Tài chính, ngày 23/9/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh có Báo cáo số 153/UBND-VP5 gửi Bộ Tài chính về việc báo cáo dự kiến phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Ninh Bình, hiện đang chờ Chính phủ phê duyệt Kế hoạch để thực hiện.

4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

Tỉnh thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh tiếp cận các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị, dây chuyền công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh; Hỗ trợ kết nối cung - cầu công nghệ, cung cấp thông tin về công nghệ, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã tập trung củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản trị, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động đổi mới phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và điều hành; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

Công tác chuyển đổi xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải và bảo vệ môi trường được quan tâm triển khai; nhiều doanh nghiệp chú trọng đầu tư các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Hệ thống quản trị doanh nghiệp tiếp tục được kiện toàn theo hướng công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp. Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực công nghệ và quản trị số, từng bước được chú trọng.

5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

Trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nhà nước, cụ thể:

- Thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng truyền thống của nền kinh tế và các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...) gắn với đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, đáp ứng nhu cầu vốn hợp pháp của doanh nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, không nói lỏng điều kiện cấp tín dụng.

- Thực hiện các giải pháp ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi; triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đơn giản hóa quy trình, thủ tục và các biện pháp khác để phấn đấu giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm việc công bố thông tin về lãi suất cho vay, chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất nếu có để khách hàng thuận tiện trong quá trình tiếp cận tra cứu thông tin.

- Chủ động triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn về vốn, lãi suất và có biện pháp cụ thể, kịp thời, linh hoạt nhằm chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng.

- Cải tiến quy trình nội bộ, khuyến khích cho vay dựa trên phương án sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường đầu ra; cho vay chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng; cho vay dựa trên dữ liệu thanh toán, dòng tiền; cho vay dựa trên tài sản bảo đảm như động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Tập trung triển khai thực hiện các chương trình, chính sách lớn, xuyên suốt như: Chương trình cho vay hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ, chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị quyết 33/NQ-CP; Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản;...

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn hợp lý để cấp tín dụng cho khách hàng thực hiện các dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ; việc cấp tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về cấp tín dụng của TCTD đối với khách hàng.

- Thực hiện chính sách cho vay ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh theo các quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền. Khuyến khích TCTD cấp tín dụng đối với khách hàng thực hiện dự án

đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo chính sách ưu đãi riêng của TCTD, phù hợp với năng lực, điều kiện của từng TCTD và quy định của pháp luật.

- Tập trung thực hiện các giải pháp về nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn điều lệ, nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, kiểm soát chất lượng tín dụng, đẩy mạnh thu hồi nợ xấu...; thực hiện đúng quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, thực hiện nghiêm các quy định về lãi phải thu, phí phải thu; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ...

* Kết quả đạt được đến cuối tháng 5/2026, huy động vốn đạt 344.717 tỷ đồng, tăng 1,72% so với cuối năm 2025 và tăng 9,82 % so với cùng kỳ năm 2025. Dư nợ tín dụng đạt 432.907 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cuối năm 2025 và tăng 20,06% so với cùng kỳ năm 2025.

Nợ xấu là 2.447 tỷ đồng, chiếm 0,57% tổng dư nợ.

6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Tỉnh đã ban hành văn bản đề tổ chức thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP (Công văn số 16/UBND-VP5 ngày 18/07/2025 của UBND tỉnh về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính năm 2025 và giai đoạn 2026-2030); giao kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh; phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

Căn cứ các quy định về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong đó bao gồm kinh phí cung cấp các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu đảm bảo theo quy định.

Đến hết năm 2025, có 1.847 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, bao gồm:

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 04 đơn vị;
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 69 đơn vị;
- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 246 đơn vị;
- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: 1.528 đơn vị.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 29/NQ-CP được triển khai trong bối cảnh địa phương đồng thời thực hiện mô hình chính quyền địa phương

02 cấp, khối lượng công việc lớn, phạm vi nhiệm vụ rộng, yêu cầu cập nhật số liệu thường xuyên; trong khi năng lực chuyên môn sâu ở một số cấp xã còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ tuyên truyền, tổng hợp và báo cáo.

- Một số nhiệm vụ về sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai, hạ tầng chiến lược có tính chất dài hạn, liên ngành, phụ thuộc vào hướng dẫn của Trung ương và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, nên cần tiếp tục theo dõi, cập nhật trong các kỳ báo cáo sau.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 29/NQ-CP; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã giao tại Kế hoạch số 99/KH-UBND; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sở, ngành, địa phương; phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành đối với từng nhiệm vụ.

- Nâng cao chất lượng phối hợp giữa các sở, ngành và UBND cấp xã trong tổng hợp số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và chế độ báo cáo điện tử, bảo đảm thống nhất, kịp thời, giảm trùng lặp.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, đầu tư công, tài sản công, ngân sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước.

- Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về thủ tục đầu tư, tiếp cận đất đai, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, tiến độ triển khai dự án trọng điểm; kịp thời kiến nghị Trung ương xử lý các nội dung vượt thẩm quyền của địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; phân bổ vốn đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, ưu tiên dự án tạo động lực phát triển, liên kết vùng, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

3. Về nội dung khác

- Đẩy nhanh đo đạc, thống kê, số hóa, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu đất đai; kết nối, chia sẻ với các hệ thống dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cải cách thủ tục hành chính.

- Tiếp tục triển khai các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics, cảng biển, cảng hàng không, tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng và các tuyến kết nối vùng động lực, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư.

- Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đổi mới quản trị doanh nghiệp nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, chuyển đổi xanh; nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp chức năng, không phân tán nguồn lực.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Phần IX. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW NGÀY 07 tháng 01 năm 2016 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- *Công tác học tập, quán triệt, triển khai:* tỉnh Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 23/02/2026 của Tỉnh uỷ, Kế hoạch số 45-KH/ĐU ngày 23/02/2025 của Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hoá Việt Nam của Bộ Chính trị tới các chi bộ và đảng viên trong toàn tỉnh. Chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền các cấp triển khai tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 80- NQ/TW đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức. Các cơ quan báo chí, truyền thông, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên bằng các hình thức đa dạng, phong phú đã tích cực tuyên truyền nội dung, tinh thần Nghị quyết tới các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Công tác tổ chức nghiên cứu học tập, quán triệt Nghị quyết số 80-NQ/TW trên địa bàn tỉnh đã được tổ chức nghiêm túc, khoa học, đúng thời gian và yêu cầu đề ra, góp phần tuyên truyền trong toàn Đảng bộ, giúp cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung cốt lõi, những điểm mới được nêu trong Nghị quyết, tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở đó, cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch:* Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 80-NQ/TW, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai nhiệm vụ về phát triển văn hoá gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương. Cụ thể: Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 20/5/2026 thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. -

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Đồng thời, ban hành các văn bản: số 1252/UBND-VP6 ngày 05/3/2026; Kết luận số 33/KL-UBND ngày 04/4/2026 Hội nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phiên họp thường kỳ Quý I năm 2026 giao Sở Văn hoá và Thể thao chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW; số 2737/VPUBND-VP6 ngày 21/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Văn hoá và thể thao báo cáo kết quả, tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW và Nghị quyết số 30/NQ-CP của Chính phủ gửi Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; văn bản số 3337/UBND-VP6 ngày 21/5/2026 giao Sở Văn hoá và Thể thao tham mưu thực hiện Quyết định số 875/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam; văn bản 4165/UBND-VP6 ngày 20/6/2026 về việc tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá... Thực hiện các chương trình, kế hoạch của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, xã, phường trong tỉnh đã ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện chương trình hành động số 27-CTr/TU, Kế hoạch số 120/KH-UBND với các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị.

- *Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật:* Tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hoá và Thể thao chủ trì tham mưu thực hiện kiểm tra và gửi danh mục văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Sở Văn hoá và Thể thao đã thực hiện rà soát văn bản QPPL thuộc đối tượng tự kiểm tra; tiến hành lập danh mục xác định 15 văn bản QPPL có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch do HĐND, UBND 03 tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình (cũ) và Ninh Bình (mới); Chủ tịch UBND tỉnh ban hành từ ngày 01/12/2024 đến ngày 10/11/2025 có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Văn hoá và Thể thao, đồng thời đề xuất hình thức xử lý theo đúng quy định. Đồng thời, tỉnh đã và đang tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục tham mưu ban hành các chính sách đặc thù về phát triển văn hóa nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn hạn chế sự phát triển văn hóa, chuyển mạnh từ quản lý sang quản trị văn hóa hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Trọng tâm là tiếp tục ban hành các quy định về bảo tồn, tôn tạo và phát

huy giá trị di sản văn hóa; quy định về quản lý, khai thác không gian di sản kết hợp với phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch bền vững; xây dựng cơ chế đãi ngộ, thu hút nhân tài trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, nghệ thuật, bảo tồn di sản để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành trong kỷ nguyên mới.

- *Công tác đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện, công tác sơ kết, tổng kết:* Căn cứ Chương trình hành động số 27-CTr/TU, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao Đảng ủy UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện; chủ trì tham mưu BTV Tỉnh ủy, BCH Đảng bộ kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; tổng hợp, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW và Chương trình hành động theo quy định. Đối với việc báo cáo, cung cấp thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng tháng, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 3125/UBND-VP2 ngày 14/5/2026 giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW gửi Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 11 hàng tháng; văn bản số 2626/UBND-VP10 ngày 23/4/2026 giao Sở Văn hoá và Thể thao chủ trì, thường xuyên theo dõi, rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu và tiến độ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam trên Hệ thống theo dõi, đánh giá của Văn phòng Trung ương Đảng tại địa chỉ: <https://theodoinq.dcs.vn>; bảo đảm hoàn thành theo đúng tiến độ yêu cầu trước ngày 25 hàng tháng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Căn cứ Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 20/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh, tỉnh Ninh Bình đặt ra 12 chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết. Thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị đối với vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển văn hóa trong kỷ nguyên mới

Tỉnh tiếp tục tổ chức các hoạt động tuyên truyền Nghị quyết số 80-NQ/TW và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về văn hoá gắn với tuyên truyền chào mừng thành công Đại hội Đảng khóa XIV; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; kỷ niệm 51 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị trọng tâm theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Văn hoá Thể

thao và Du lịch. Rà soát, quản lý, theo dõi các hoạt động thông tin, truyền thông trên các báo, tạp chí, internet và mạng xã hội, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm đưa thông tin sai trái, xuyên tạc về chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, kỳ họp đại biểu Quốc hội... Báo chí trung ương và báo chí của tỉnh đã phản ánh đầy đủ, kịp thời các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh; thông tin toàn diện các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội, công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội của tỉnh. Các trang thông tin điện tử về di sản, du lịch Ninh Bình đã tích cực đăng tải tin, bài, hình ảnh, audio góp phần tuyên truyền thông tin, quảng bá về mảnh đất, con người, những nét văn hóa đặc sắc, sản phẩm, tiềm năng, lợi thế của du lịch Ninh Bình.

2. Hoàn thiện thể chế tạo đột phá chiến lược, khơi thông nguồn lực phát triển văn hóa

Căn cứ Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 15/4/2026 triển khai Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao và các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương. Phân đầu đến năm 2030 bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho văn hoá theo Nghị quyết số 80- NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao và các địa phương đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư trong hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai nhiều nhiệm vụ nhằm hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển văn hóa. Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực văn hóa, di sản, du lịch, quảng bá hình ảnh địa phương; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia các hoạt động bảo tồn, khai thác và phát triển các sản phẩm văn hóa. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững.

3. Chú trọng xây dựng con người Ninh Bình phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại

Nhiệm vụ xây dựng con người Ninh Bình phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại tiếp tục được quan

tâm, góp phần nâng cao kiến thức, sức khỏe, đời sống tinh thần của Nhân dân trong tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch về triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch về tổ chức Tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch về triển khai thực hiện công tác gia đình năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch về triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2026... Tạo điều kiện cho phép công chức, học sinh tham gia hoạt động trại hè tại Trung Quốc và Hàn Quốc, gồm: Trại hè phổ cập khoa học thanh thiếu niên Trung - Việt Văn Sơn - Mục Lân năm 2026 tại Trung Quốc từ ngày 30/6 - 03/7/2026; Trại hè giao lưu thanh, thiếu niên quốc tế thành phố Asan năm 2026 tại Hàn Quốc từ ngày 22 - 28/7/2026.

Với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá của tỉnh, Ngành Văn hoá và Thể thao đã tập trung hướng dẫn các địa phương thực hiện nghiêm các quy định về công tác lễ hội, tăng cường thực hiện nếp sống văn minh, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc. Tiếp tục tham mưu triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh. Phối hợp rà soát, tổng hợp hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Tham mưu triển khai thực hiện công tác gia đình năm 2026 trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (tháng 6), Tháng hành động vì trẻ em năm 2026; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn, triển khai các hoạt động kỷ niệm 25 năm ngày Gia đình Việt Nam trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền, vận động tham gia Cuộc thi viết với chủ đề “Bữa cơm gia đình ấm áp yêu thương”. Triển khai sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Hướng dẫn, đôn đốc duy trì hoạt động các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình tại cơ sở; tổng hợp, cập nhật số điện thoại thường trực tiếp nhận, xử lý thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Ninh Bình năm 2026 và Liên hoan Thiếu nhi tuyên truyền giới thiệu sách và phát triển văn hóa đọc tỉnh Ninh Bình năm 2026.

4. Đổi mới phương thức quản lý văn hóa theo hướng kiến tạo, phục vụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hóa

Việc đổi mới phương thức quản lý văn hóa theo hướng kiến tạo, phục vụ gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tiếp tục được triển khai đồng bộ. Công tác số hóa, ứng

dụng công nghệ trong quản lý và quảng bá văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy giá trị văn hóa, di sản và tạo nền tảng cho phát triển văn hóa trong giai đoạn mới.

Chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện tốt các quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch. Đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/3/2026 về triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số. Ban hành Quyết định số 1693/QĐ-UBND, ngày 10/5/2026 phê duyệt 02 nhiệm vụ khoa học công nghệ về phát triển văn hoá: (1) Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; (2) Giải pháp phát triển kinh tế di sản gắn với sinh kế bền vững tại Đô thị di sản thiên niên kỷ Ninh Bình. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu sản phẩm gắn với giá trị văn hóa địa phương; thúc đẩy phát triển sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống.

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ số hóa dữ liệu văn hóa, di sản, hiện vật, hồ sơ quản lý; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý và khai thác giá trị văn hóa, Ngành Văn hoá và Thể thao phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chuyên sâu về địa danh, danh nhân, huyền tích huyền sử, nghề thủ công truyền thống thuộc Đề án Thống kê, hệ thống hóa, ứng dụng giá trị các địa danh, danh nhân, huyền tích lịch sử, sản phẩm truyền thống phục vụ phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; xây dựng nội dung đề xuất ký kết Bản Ghi nhớ hợp tác với Viện Nghiên cứu tài sản văn hóa Nara (trực thuộc cơ quan hành chính độc lập Tổ chức Di sản văn hóa quốc gia Nhật Bản, Nhật Bản) về trao đổi học thuật, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khảo sát

5. Xây dựng hệ sinh thái văn hóa, đổi mới sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là động lực, người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm, nhận diện và ứng xử thích hợp với tài nguyên văn hóa

Tỉnh tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về phát triển văn hóa gắn với đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành môi trường thuận lợi để doanh nghiệp tham gia sáng tạo, đầu tư và khai thác các giá trị văn hóa; đồng thời phát huy vai trò trung tâm của người dân trong bảo tồn, sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa. Một số dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tâm linh tiếp tục được triển khai góp phần khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, cảnh quan và tài nguyên thiên nhiên của địa phương theo hướng bền vững. Ngành Công thương thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương xây dựng văn hóa kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật, giữ chữ tín, nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ và trách nhiệm đối với người tiêu dùng. Đồng thời, khuyến

khích các doanh nghiệp xây dựng môi trường làm việc văn minh, an toàn; thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động.

6. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch - công nghiệp văn hóa

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/01/2026 của của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 15/4/2026 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/01/2026 của của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1974/QĐUBND ngày 01/6/2026 phê duyệt Đề án “Chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Tăng cường lồng ghép mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Duy trì và phát huy các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, nhiếp ảnh, quảng bá văn hóa địa phương. Trong lĩnh vực văn hoá, Ngành Văn hoá và Thể thao phối hợp với Hiệp hội nhiếp ảnh Hoa Kỳ tổ chức thành công Chương trình Hội ngộ Nhiếp ảnh quốc tế lần thứ 4 tại tỉnh Ninh Bình. Tổ chức Cuộc thi sáng tác biểu trưng (logo) tỉnh Ninh Bình; Cuộc thi Người đẹp Hoa Lư năm 2026, triển lãm ảnh nghệ thuật “Non nước Ninh Bình”, Lễ hội Hoa Lư năm 2026, ... Trong lĩnh vực du lịch, đã tổ chức tổ chức thành công các hoạt động trong khuôn khổ Tuần Du lịch Ninh Bình năm 2026 với chủ đề “Ninh Bình - Hành trình di sản qua các thời đại”, trọng tâm là chương trình khai mạc Tuần Du lịch Ninh Bình 2026; Lễ hội âm nhạc và sáng tạo Tràng An Forestival 2026; Lễ hội Sắc vàng Tam Cốc; Tour du lịch chụp ảnh (photo Tour) “Mùa vàng Tam Cốc”... Sản phẩm du lịch gắn với công nghiệp văn hóa từng bước được nâng cao chất lượng. Tiếp tục khai thác giá trị của Quần thể Danh thắng Tràng An, các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống để hình thành các sản phẩm văn hóa sáng tạo mới. Đồng thời, phát huy hiệu quả các sự kiện văn hóa lớn, các chương trình nghệ thuật cộng đồng và hoạt động quảng bá di sản, thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia.

7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hóa đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới

Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã giao Sở Văn hóa và

Thể thao bám sát các quy định tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030; và Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025-2030 tập trung dự kiến danh mục và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương cho từng dự án trong năm 2026 bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định. Nghiên cứu, xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá; phối hợp với các sở, ngành và địa phương rà soát, tổng hợp, xây dựng hệ thống tổng thể các văn bản triển khai thực hiện (quyết định, kế hoạch, hướng dẫn, dự thảo cơ chế, chính sách...) đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần xứng đáng gia tăng sức mạnh mềm quốc gia

Tỉnh Ninh Bình tiếp tục quán triệt và triển khai hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế; tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, góp phần quảng bá hình ảnh quê hương, con người Ninh Bình, nâng cao uy tín và sức hấp dẫn của địa phương, qua đó đóng góp thiết thực vào việc gia tăng sức mạnh mềm quốc gia trong giai đoạn mới. Tỉnh đã tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế. Ban hành Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 19/6/2026 triển khai Chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Tiếp tục xây dựng kế hoạch quảng bá xúc tiến du lịch Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch quảng bá xúc tiến du lịch tại nước ngoài; Kế hoạch quảng bá, xúc tiến du lịch Ninh Bình tại Hàn Quốc và tổ chức Hội nghị Xúc tiến du lịch lần thứ III tại Nhật Bản. Đồng ý với đề nghị của Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội tổ chức Ngày Quốc tế Yoga tại tỉnh Ninh Bình. Tổ chức các chương trình giao lưu biểu diễn nghệ thuật quốc tế tại Ninh Bình như: Chương trình hòa nhạc hữu nghị Ninh Bình, Việt Nam - Saiki, Nhật Bản 2026. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 10 năm di sản “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2016-2026). Chính sửa, hoàn thiện hồ sơ “Ma nhai trên núi Non Nước tỉnh Ninh Bình” đề cử ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương chu kỳ 2025 - 2026, báo cáo Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Cục Di sản văn hóa, UBND tỉnh theo yêu cầu. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong việc xây dựng Hồ sơ đề cử “Cảnh quan văn hóa - sinh thái Vực móng trắng Vân Long - Kim Bảng - Tam Chúc” đề nghị UNESCO công nhận là di sản thế giới. Xây

dựng: Hồ sơ trình UNESCO vinh danh Danh nhân lịch sử, văn hoá Lý Công Uẩn. Tạo điều kiện, hỗ trợ các cán bộ và chuyên gia của Đại học Trent (Canada), Viện Khảo cổ học triển khai dự án nghiên cứu “Lịch sử sinh thái - xã hội của mô hình định cư, các hoạt động nông nghiệp và quản lý nguồn nước tại kinh đô Hoa Lư thế kỷ X”. Phối hợp với các cơ quan liên quan về việc đăng cai tổ chức kỳ họp lần thứ 49 của Ủy ban Di sản thế giới năm 2027 tại Ninh Bình. Chuẩn bị các điều kiện tổ chức tọa đàm quốc tế “Hành trình đến di sản tư liệu UNESCO - Ma nhai núi Non Nước”. Tham dự Chương trình gặp gỡ báo chí giới thiệu thông tin về Phở Cultural Roadshow Europe 2026 tại Hà Nội. Triển khai thực hiện nhiệm vụ tổ chức Tọa đàm quốc tế với chủ đề “Truyền thông về giá trị của Di sản tư liệu Ma nhai trên núi Non Nước, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình”. Kết quả số lượt khách du lịch: Lũy kế đến hết ngày 01/6/2026, số lượt khách toàn tỉnh là 16.237.877 lượt, trong đó: khách nội địa là 14.446.998 lượt, khách quốc tế là 1.790.879 lượt.

9. Việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trên hệ thống theodoinq.dcs.vn

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục cập nhật, theo dõi và triển khai các nhiệm vụ được giao trên hệ thống theodoinq.dcs.vn; cơ bản bảo đảm tiến độ thực hiện theo yêu cầu, chưa phát sinh các nhiệm vụ quá hạn nghiêm trọng.

1. Tổng số nhiệm vụ được giao: 25 nhiệm vụ
2. Số nhiệm vụ thường xuyên: 25 nhiệm vụ
3. Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 4/4 nhiệm vụ, đạt 100%
4. Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 04 nhiệm vụ
5. Số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0
6. Số nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn: 21 nhiệm vụ
7. Số nhiệm vụ ổn định đúng hạn: 21 nhiệm vụ
8. Số nhiệm vụ sắp đến hạn: 09. Số nhiệm vụ đang tiến hành quá hạn: 0

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

- Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang bước đầu triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết nên một số nội dung theo đề cương và các nhiệm vụ chưa thể có kết quả để đánh giá cụ thể. Bên cạnh đó có những nhiệm vụ chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức triển khai và tiêu chí đánh giá kết quả.

- Một số nhiệm vụ lớn, có tính chất chuyên sâu như xây dựng hồ sơ di sản trình UNESCO, lập các quy hoạch bảo tồn di tích, xây dựng cơ chế chính sách mới, triển khai các dự án bảo tồn, tu bổ di tích còn phụ thuộc vào quá trình thẩm định, cho ý kiến của các cơ quan Trung ương và các đơn vị liên quan nên tiến độ thực hiện còn gặp khó khăn.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá hiện đang trong quá trình hoàn thiện, dẫn đến ảnh hưởng nhất định đến tiến độ triển khai tại địa phương.

- Một số nội dung đặc thù của lĩnh vực văn hóa như bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, chính sách đãi ngộ, hỗ trợ nghệ nhân, cơ chế khuyến khích phát triển công nghiệp văn hóa... chưa có quy định cụ thể về định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế tài chính và phương thức thực hiện; cần được rà soát, đánh giá tổng thể làm cơ sở thực tiễn đề xuất, dẫn đến khó khăn trong công tác xây dựng dự toán, thẩm định và tổ chức triển khai.

- Nhu cầu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá trên địa bàn tỉnh rất lớn, với nhiều dự án, tiểu dự án thành phần; phạm vi triển khai rộng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội nên việc phối hợp triển khai ở một số thời điểm còn gặp khó khăn.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết số 80-NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh uỷ, Kế hoạch của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về văn hóa. Xác định phát triển văn hóa là trọng tâm, thường xuyên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục ban hành kế hoạch, chương trình cụ thể hóa Nghị quyết số 80-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Lồng ghép các mục tiêu phát triển văn hóa trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong triển khai nhiệm vụ phát triển văn hóa.

- Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình, đề án trọng điểm về phát triển văn hoá, du lịch. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; ưu tiên các di sản văn hoá có giá trị đặc biệt, di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ mai một.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển văn hoá cơ sở, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trong chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá, chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, tuyên truyền, cổ động chào mừng các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh; nâng cao chất lượng các phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng.

2. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về văn hoá, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp yêu cầu phát triển văn hoá trong giai đoạn mới.

- Tập trung tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp văn hoá, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hoá; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành văn hoá đồng bộ, liên thông.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hoá; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các biểu hiện lệch chuẩn văn hoá, vi phạm đạo đức xã hội.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thiện, ban hành đầy đủ hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, làm cơ sở pháp lý để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Xem xét cho Ninh Bình ưu tiên triển khai thực hiện một số cơ chế chưa được quy định cụ thể trong các văn bản đã ban hành, như: Thí điểm mô hình đô thị di sản Thiên niên kỷ; các công trình, dự án văn hóa - du lịch lớn có tính liên kết vùng theo hành lang văn hóa từ Quảng Ninh đến Ninh Bình; các dự án văn hóa quan trọng trong các di sản được UNESCO công nhận (danh thắng Tràng An, Tam Chúc - Vân Long...); cơ chế phối hợp với doanh nghiệp tổ chức đầu tư dự án phòng dựng thành Hoa Lư...; cơ chế tổ chức các sự kiện văn hoá quy mô lớn phù hợp với đặc thù của địa phương.

Phần X. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT NGHỊ QUYẾT 06-NQ/TW NGÀY 19 THÁNG 5 NĂM 2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW NGÀY 08 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Tỉnh Ninh Bình đang tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tuyên truyền, quán triển những định hướng, quan điểm chỉ đạo của Trung ương tại 02 nghị quyết trên; đồng thời, giao các ngành đề xuất các nội dung, chương trình, đề án

trọng tâm để xây dựng chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tổ chức triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
 - Lưu: VT, VP2.
- ĐVN-VP2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng